

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ COLETTE

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ COLETTE

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Lưu Thị Hà Phương	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Lê Thị Lan Anh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Phan Thanh Tùng	Chủ tịch Công đoàn	Thư ký Hội đồng	
4	Nguyễn Thành Danh	Bí thư Chi đoàn	Ủy viên Hội đồng	
5	Đỗ Thúy Hằng	Tổng phụ trách Đội	Ủy viên Hội đồng	
6	Đặng Hoàng Long	Tổ trưởng Tổ Toán	Ủy viên Hội đồng	
7	Mai Xuân Huy	Tổ trưởng Tổ Ngữ văn	Ủy viên Hội đồng	
8	Vương Tạ Kim Khánh	Tổ phó Tổ Tiếng Anh	Ủy viên Hội đồng	
9	Huyền Tôn Nữ Nguyên Tịnh	Tổ trưởng Tổ Pháp văn	Ủy viên Hội đồng	
10	Lê Nguyễn Quỳnh Anh	Tổ trưởng Tổ Sử - Địa - GDCD	Ủy viên Hội đồng	
11	Lê Thị Huệ	Tổ trưởng Tổ Lý - Hóa – Sinh	Ủy viên Hội đồng	
12	Ngô Thúy Bảo Trân	Tổ trưởng Tổ Công nghệ - Tin	Ủy viên Hội đồng	
13	Đào Quang Huy	Tổ phó Tổ Văn thể mỹ	Ủy viên Hội đồng	
14	Trương Thành Đồng	Tổ trưởng Tổ Văn phòng	Ủy viên Hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. Đặt vấn đề	11
B. Tự đánh giá	16
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	16
Mở đầu	16
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	17
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.	19
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường.	21
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	24
Tiêu chí 1.5: Lớp học.	28
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	29
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.	32
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.	34
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	36
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	37
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	40
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	40
Mở đầu	40
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.	41
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.	43
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.	45
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh.	47
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 2</i>	49

NỘI DUNG	Trang
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	50
Mở đầu	50
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập.	50
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng bộ môn và khôi phục vụ học tập.	52
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính – quản trị.	54
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.	56
Tiêu chí 3.5: Thiết bị.	58
Tiêu chí 3.6: Thư viện.	61
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 3</i>	63
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	63
Mở đầu	63
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.	64
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	67
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 4</i>	69
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	70
Mở đầu	70
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.	70
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.	73
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.	76
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.	77
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh.	79
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục.	81
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 5</i>	85
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	86
Phần IV. PHỤ LỤC	1 - 43

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	X
Tiêu chí 1.4		x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x		
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	

Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	
Tiêu chí 5.5		x	x	
Tiêu chí 5.6		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 1

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1

Phần I

CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Trung học cơ sở Colette

Tên trước đây: Trường Trung học cơ sở Colette

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Quận 3

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Thành phố Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Lưu Thị Hà Phương
Huyện/quận/thị xã/thành phố	3	Điện thoại	0909344423
Xã/phường/thị trấn	Võ Thị Sáu	Fax	Không
Đạt chuẩn quốc gia	Không	Website	thcscolette.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường	1993	Số điểm trường	01
Công lập	X	Loại hình khác	Không
Tư thục	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp

Số lớp	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Khối lớp 6	11	10	11	9	10
Khối lớp 7	10	11	10	11	9
Khối lớp 8	10	10	11	10	11
Khối lớp 9	9	10	9	11	10
Cộng	40	41	41	41	40

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
----	---------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	39	39	39	39	39
1	Phòng học	29	29	29	29	29
a	Phòng kiên cố	29	29	29	29	29
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
2	Phòng học bộ môn	05	05	05	05	05
a	Phòng kiên cố	05	05	05	05	05
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
3	Khối phục vụ học tập	05	05	05	05	05
a	Phòng kiên cố	05	05	05	05	05
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
II	Khối phòng hành chính - quản trị	06	06	06	06	06
1	Phòng kiên					

	cố	06	06	06	06	06
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
III	Thư viện	01	01	01	01	01
IV	Các công trình, khôi phòng chức năng khác (nếu có)					
1	Phòng Y tế	01	01	01	01	01
	Cộng	47	47	47	47	47

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: Ngày 01 tháng 8 năm 2023

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	Kinh	0	0	01	
Phó Hiệu trưởng	01	01	Kinh	0	0	01	
Giáo viên	70	48	Kinh	0	59	11	
Nhân viên	13	09	Kinh	06	07	0	
Cộng	85	59	Kinh	06	66	13	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Tổng số giáo viên	75	71	73	71	71

Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,87	1,73	1,78	1,73	1,78
Tỷ lệ giáo viên/học sinh	4,83	4,52	4,48	4,48	4,48
Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện	05	Không tổ chức	03	Không tổ chức	02
Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố	Không tổ chức	Không tổ chức	Không tổ chức	Không tổ chức	01

4. Học sinh

a) Số liệu chung

T T	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
1	Tổng số học sinh	1552	1569	1627	1582	1571
	- Nữ	820	808	858	811	799
	- Dân tộc thiểu số	63	53	47	52	49
	- Khối lớp 6	428	412	435	326	428
	- Khối lớp 7	370	416	415	434	324
	- Khối lớp 8	400	364	416	415	430
	- Khối lớp 9	354	377	361	407	390
2	Tổng số tuyển mới	428	408	435	326	428
3	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0
4	Bán trú	573	568	635	582	657
5	Nội trú	0	0	0	0	0
6	Bình quân số học sinh/lớp	40,0	38,0	40,0	39,0	39,3
7	Số lượng và tỉ lệ	1552	1569	1627	1582	1571

	học sinh đúng độ tuổi	100%	100%	100%	100%	100%
	- Nữ	820	808	858	811	799
	- Dân tộc thiểu số	63	53	47	52	49
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh	26/22	29/20	32/21	29/19	37/23
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	02	0	02	02	01
	- Nữ	01	01	0	01	0
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	07	07	11	13	12
12	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022 - 2023
Tỷ lệ học sinh có học lực Giỏi	648/1552 41,75%	868/1569 55,32%	886/1627 54,44%	657/1582 41,53%	417/1571 26,54%
Tỷ lệ học sinh có học lực Khá	592/1552 38,14%	490/1569 31,23%	548/1627 33,70%	437/1582 27,62%	304/1571 19,35%
Tỷ lệ học sinh có học lực Trung bình	262/1552 16,88%	208/1569 13,23%	177/1627 10,88%	147/1582 9,29%	92/1571 5,86%
Tỷ lệ học sinh có	47/1552	2/1569	16/1627	15/1582	6/1571

Số liệu	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 -2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022 - 2023
học lực Yếu	3,03%	0,13%	0,98%	0,95%	0,38%
Tỷ lệ học sinh có học lực Kém	3/1552 0,19%	1/1569 0,06%	0,00%	0,00%	0,00%
Tỷ lệ học sinh có kết quả học tập loại Tốt				156/1582 9,86%	483/1571 30,74%
Tỷ lệ học sinh có kết quả học tập loại Khá				127/1582 8,03%	218/1571 13,88%
Tỷ lệ học sinh có kết quả học tập loại Đạt				35/1582 2,21%	47/1571 2,99%
Tỷ lệ học sinh có kết quả học tập loại Chưa đạt				8/1582 0,51%	4/1571 0,25%
Tỷ lệ học sinh có hạnh kiểm Tốt	1489/1552 95,94%	1566/1569 99,81%	1611/1627 99,02%	1223/1582 77,31%	809/1571 51,50%
Tỷ lệ học sinh có hạnh kiểm Khá	62/1552 3,99%	2/1569 0,13%	16/1627 0,98%	33/1582 2,08%	10/1571 0,64%
Tỷ lệ học sinh có hạnh kiểm Trung bình	1/1552 0,06%	1/1569 0,06%	0,00%	0,00%	0,00%
Tỷ lệ học sinh có hạnh kiểm Yếu	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
Tỷ lệ học sinh có kết quả rèn luyện loại Tốt				318/1582 20,10%	745/1571 47,42%
Tỷ lệ học sinh có kết quả rèn luyện loại Khá				8/1582 0,51%	7/1571 0,45%
Tỷ lệ học sinh có kết quả rèn luyện loại Đạt				0/1582 0,00%	0/1571 0,00%
Tỷ lệ học sinh có kết quả rèn luyện loại Chưa đạt				0/1582 0,00%	0/1571 0,00%

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Trung học cơ sở Colette được đặt tại số 10 Hồ Xuân Hương, phường Võ Thị Sáu, Quận 3. Trường được xây dựng từ trước năm 1975, từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, trường thuộc hệ thống giáo dục do nhà nước thống nhất quản lý.

Năm 1993 theo quyết định số 51/QĐ-UB ngày 30 tháng 6 năm 1993 của Ủy ban nhân dân Quận 3 về việc chuyển trường phổ thông cấp 2 Colette thành trường Chuyên cấp 2 Colette ở số 10 đường Hồ Xuân Hương, Quận 3.

Đến năm 1995 theo quyết định số 75/QĐ-UB ngày 15 tháng 11 năm 1995 của Ủy ban nhân dân Quận 3, trường chuyển thành trường Trung học cơ sở Chuyên Colette.

Trường Trung học cơ sở Colette có nhiệm vụ tiếp nhận giảng dạy và giáo dục học sinh từ lớp 6 đến lớp 9, theo loại hình học 1 buổi/ngày trên địa bàn phường Võ Thị Sáu. Trường có diện tích 3234 m² bao gồm 3 dãy A, B, C, có 29 phòng học, 05 phòng chức năng và sân chơi.

Từ khi thành lập cho đến nay, nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ với 70/70 giáo viên đạt chuẩn đào tạo theo quy định (tỉ lệ 100%). Trong đó: 11/70 giáo viên trên chuẩn đạt trình độ thạc sĩ (tỉ lệ 15,7%). Đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống tốt, tâm huyết với nghề dạy học, hết lòng vì sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ, có năng lực chuyên môn vững vàng, năng nổ nhiệt tình trong công việc, tinh thần trách nhiệm cao, có nhiều kinh nghiệm, đoàn kết gắn bó, thống nhất.

Tỉ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở nhiều năm liên tục đạt 100%. Tỷ lệ học sinh vào lớp 10 công lập hằng năm từ 90% trở lên, chất lượng giáo dục ổn định và được giữ vững.

Trường có tổ chức Chi bộ Đảng trực thuộc Đảng bộ phường Võ Thị Sáu, Quận 3. Chi bộ giữ vai trò lãnh đạo trong toàn bộ hoạt động của nhà trường. Các tổ chức khác như: Công đoàn cơ sở, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh; có 08 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng; Ban đại diện cha mẹ học sinh. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 85 người. Về học sinh, năm học 2022-2023 trường có 40 lớp cho 4 khối 6, 7, 8, 9 với tổng số 1571 học sinh.

Công tác quản lý chất lượng giáo dục, trong những năm qua luôn là mối quan tâm hàng đầu của lãnh đạo nhà trường và được tổ chức thực hiện chặt chẽ, có hiệu quả từ cán bộ quản lý đến các tổ chuyên môn. Nhà trường đảm bảo thực hiện đúng, đủ kế hoạch thời gian năm học và nội dung chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; việc đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh, bên cạnh đó việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy học và quản lý cũng được chú trọng. Hằng năm, nhà trường đầu tư thêm thiết bị dạy học ứng dụng công nghệ thông tin. Việc giáo dục đạo đức học sinh cũng được đặc biệt quan tâm, nhà trường chủ trương giáo dục đạo đức học sinh thông qua những tấm gương, những mẫu chuyện đạo đức Hồ Chí Minh... kết hợp với nội dung cuộc vận động xây dựng “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

Công tác bồi dưỡng đội ngũ được quan tâm và thực hiện thường xuyên. Cùng với việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về “Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục” và các cuộc vận động của ngành, nhà trường còn khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên nâng cao trình độ bằng nhiều hình thức như: tự học, học nâng cao, dự các lớp tập huấn ngắn ngày hoặc tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề, dự giờ, sinh hoạt tổ chuyên môn...

Về quản lý tài chính - tài sản, nhà trường thực hiện theo các văn bản pháp quy hiện hành của Nhà nước. Tất cả các nguồn tài chính, tài sản được quản lý, sử dụng một cách hiệu quả, đúng mục đích, theo nguyên tắc công bằng, minh bạch và công khai trên cơ sở Quy chế chi tiêu nội bộ.

Thuận lợi cơ bản của nhà trường là đội ngũ giáo viên đa số nhiệt tình, có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn. Cán bộ quản lý nhà trường có kinh nghiệm và sâu sát trong quản lý - điều hành.

Khó khăn cần giải quyết hiện nay là trường còn số ít học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ ít quan tâm đến việc học tập của con em.

Kết quả hoạt động các mặt của trường trong 5 năm học gần đây như sau:

- Năm học 2018-2019: đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến theo Quyết định số 5327/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 3 và và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ theo Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2019 do thành tích 5 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Năm học 2019-2020: đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc theo Quyết định số 3685/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Năm học 2020-2021: đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc theo Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2022 do thành tích 2 năm liên tục (2019-2020, 2020-2021) hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trường được nhận Cờ thi đua lần thứ hai của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2022.

- Năm học 2021-2022: đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc theo Quyết định số 3059/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Năm học 2022-2023: đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến theo Quyết định số 3059/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Mục đích tự đánh giá

Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh trường đều có nhận thức đúng đắn mục đích, ý nghĩa của việc thực hiện công tác tự

đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường là nhằm tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí theo các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thông báo công khai với các cơ quan quản lý Nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục; đề ra những biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần thực hiện mục tiêu chung và chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường.

Trường Trung học cơ sở Colette là một trong những trường có bề dày truyền thống về chất lượng giáo dục ổn định, nhiều năm liền là tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc, nhận cờ thi đua của thành phố. Nhà trường là nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới trở thành một trong những đơn vị có chất lượng cao trong quận. Đây là cơ sở thuận lợi để đơn vị có định hướng trong việc xây dựng nhà trường thành đơn vị giáo dục xuất sắc. Với tiêu chí chung "Colette nơi tiếp sức các em vững bước vào tương lai" để sau 4 năm theo học tại trường Trung học cơ sở các em sẽ có một hành lang kiến thức cơ bản, biết vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực hành, giải quyết các tình huống trong học tập và cuộc sống, biết tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, hình thành năng lực tự học, hoàn chỉnh nền tảng tri thức của bậc trung học phổ thông.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường gồm 14 thành viên, gồm Cán bộ quản lý, thư ký Hội đồng trường, tổ trưởng chuyên môn, đại diện Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, kế toán, học vụ. Các thành viên trong hội đồng được phân công theo nhóm nhằm thu thập, xử lý, phân tích các minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí và viết phiếu đánh giá.

Trường Trung học cơ sở Colette tiến hành công tác tự đánh giá theo quy trình:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá: ngày 10 tháng 2 năm 2023.
- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá: ngày 01 tháng 3 năm 2023.
- Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng: ngày 30 tháng 3 năm 2023.

- Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí: ngày 01 tháng 5 năm 2023.
- Viết báo cáo tự đánh giá: ngày 01 tháng 8 năm 2023.
- Công bố báo cáo tự đánh giá: 31 tháng 8 năm 2023.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh của nhà trường căn cứ báo cáo tự đánh giá để thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng phát huy các điểm mạnh, khắc phục điểm yếu đã đề ra trong từng tiêu chí.

Về phạm vi, phương pháp và công cụ đánh giá là cơ sở trường bao quát toàn bộ các hoạt động của nhà trường được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường trung học cơ sở làm công cụ đánh giá. Từ đó, mô tả hiện trạng, điểm mạnh, điểm yếu, kế hoạch cải tiến chất lượng và tự đánh giá theo từng tiêu chí của các tiêu chuẩn.

Tất cả các bước trên đều được thực hiện đúng hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai, khoa học, khẩn trương nhưng cẩn trọng.

Hợp lãnh đạo nhà trường đề thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên hội đồng tự đánh giá.

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, phân công cụ thể cho từng thành viên, phân công dự thảo kế hoạch tự đánh giá.

Kế hoạch triển khai công tác kiểm định tại đơn vị.

Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

Tổ chức triển khai tự đánh giá cho các thành viên của Hội đồng tự đánh giá, giáo viên và nhân viên.

Chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá, thu thập minh chứng.

Các cá nhân, nhóm chuyên trách hoàn thiện các phiếu đánh giá tiêu chí.

Họp Hội đồng tự đánh giá để xác định các vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được và điều chỉnh đề cương chi tiết.

Họp Hội đồng tự đánh giá thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá, kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá.

Hoàn thiện bước đầu báo cáo tự đánh giá.

Họp Hội đồng tự đánh giá đề thông qua bản báo cáo báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa.

Công bố bản báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và nhận các ý kiến đóng góp.

Xử lý ý kiến đóng góp và hoàn thiện bản báo cáo tự đánh giá.

Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ nhà trường.

Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu là bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung bộ tiêu chí, thu thập minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan để viết báo cáo.

Nhà trường tiến hành triển khai công tác tự đánh giá từ tháng 2 năm 2023 và hoàn thành cuối tháng 8 năm 2023; trong suốt thời gian tiến hành công tác tự đánh giá, cán bộ quản lý nhà trường đã huy động toàn thể các đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên và cha mẹ học sinh cùng tham gia.

Tuy nhiên, lực lượng nòng cốt tích cực vẫn là các thành viên Hội đồng tự đánh giá với nhận thức đúng đắn về mục đích, yêu cầu của công tác tự đánh giá để hoàn thành nhiệm vụ.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.

Mở đầu:

Trường Trung học cơ sở Colette đã tổ chức hoàn chỉnh về cơ cấu, nhân sự, thành lập Hội đồng trường theo quy định và được Ủy ban nhân dân Quận 3 ra quyết định phê chuẩn. Hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng kỷ luật có đầy đủ thành phần theo quy định với nhiệm vụ hoạt động công khai, công bằng, dân chủ. Các tổ chuyên môn, các đoàn thể được tổ chức đúng thành phần, hoạt động có kế hoạch rõ ràng dựa theo nhiệm vụ chung từng năm học. Hiệu trưởng tổ chức và quản lý nhà trường theo đúng qui định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ vào tình hình thực tế của trường và địa phương, phương hướng hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025 với sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên, cha mẹ học sinh nhà trường. Nội dung chiến lược phát triển của nhà trường đã thể hiện rõ thực trạng giáo dục, những thành tựu đã đạt được cũng như cơ hội, thách thức và các mục tiêu phát triển giai đoạn 2021-2025 trường cần phấn đấu thực hiện. Mục tiêu trong chiến lược phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông cấp

Trung học cơ sở được qui định theo khoản 3, Điều 29, Luật Giáo dục 2019 của Quốc hội ngày 14 tháng 6 năm 2019 nhằm giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục tiểu học, học vấn phổ thông ở trình độ trung học cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học trung học phổ thông, trung cấp nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động, chiến lược phát triển phù hợp với các nguồn lực của nhà trường và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

b) Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 đã được Lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 phê duyệt tháng 03 năm 2021 [H1-1.1-01].

c) Kế hoạch chiến lược phát triển công bố công khai trong toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh, học sinh cũng như thông tin trên bảng tin và đăng trên trang website của trường tại địa chỉ: <http://thcscolette.hcm.edu.vn> [H1-1.1-05].

Mức 2:

Nhằm giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, hiệu trưởng đã phân công cho phó hiệu trưởng kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm học của các tổ chuyên môn; phân công tổ trưởng chuyên môn kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các giáo viên trong tổ. Phó hiệu trưởng và tổ trưởng chuyên môn kiểm tra, đánh giá, báo cáo và đề xuất những giải pháp thực hiện kế hoạch của từng học kỳ, từng năm học. Hiệu trưởng tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm trong hội đồng trường việc thực hiện kế hoạch năm học và được thể hiện trong báo cáo sơ kết, tổng kết năm học hằng năm và báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của trường [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06]; [H1-1.1-07]; [H1-1.1-08].

Mức 3:

Trường thực hiện việc rà soát bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường chưa thường xuyên, chưa liên tục [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06]; [H1-1.1-07].

2. Điểm mạnh

Chiến lược phát triển có sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Các mục tiêu trong chiến lược được xây dựng sát với thực tế, phù hợp với mục tiêu giáo dục của cấp học, tình hình cơ sở vật chất và tài chính của nhà trường, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế của địa phương.

3. Điểm yếu

Việc rà soát, bổ sung chiến lược phát triển nhà trường chưa được thực hiện theo từng giai đoạn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, quản lý nhà trường tiếp tục phát huy những mặt mạnh đã đạt được, có kế hoạch thực hiện rà soát, cập nhật các mục tiêu trong chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 chưa đạt được để tiếp tục thực hiện trong chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2023-2025.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường và các hội đồng khác của trường được thành lập theo quy định. Hội đồng trường được công nhận theo quyết định số 1181/QĐ- UBND ngày 27 tháng 04 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 3. Hội đồng trường có 11 thành viên gồm: Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Chi đoàn và đại

diện tổ chuyên môn, tổ văn phòng, đại diện Ủy ban nhân dân Phường Võ Thị Sáu, đại diện học sinh và đại diện cha mẹ học sinh [H1-1.2-01].

Hàng năm, hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập các hội đồng khác như: Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở, Hội đồng chấm sáng kiến [H1-1.2-02], [H1-1.2-03].

b) Hội đồng trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 10 của Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 09 năm 2020 về ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.2-04].

Hội đồng thi đua tổ chức họp định kỳ 01 lần/quý để thực hiện xét thi đua cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Hội đồng thi đua khen thưởng tổ chức xét duyệt thi đua vào cuối mỗi học kỳ, cuối năm học và đề nghị khen thưởng cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh đạt thành tích, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Thực hiện sơ kết, tổng kết công tác thi đua và khen thưởng vào cuối học kỳ và cuối năm học [H1-1.2-05], [H1-1.2-06], [H1-1.2-07], [H1-1.2-08], [H1-1.2-10].

Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm thành lập và ngừng hoạt động khi công tác chấm và xếp loại sáng kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên kết thúc. Hội đồng chấm sáng kiến nhận xét, đánh giá các bài viết sáng kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên và đề xuất Hiệu trưởng công nhận sáng kiến đạt cấp trường đồng thời đề cử sáng kiến công nhận cấp quận [H1-1.2-11].

Hội đồng Tuyển sinh được thành lập và ngừng hoạt động khi công tác tuyển sinh kết thúc. Các hoạt động rà soát, báo cáo được thực hiện theo yêu cầu thực tế hàng năm. Thực hiện báo cáo tổng kết khi công tác tuyển sinh kết thúc. Hội đồng tuyển sinh có nhiệm vụ tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ học sinh tuyển mới vào trường theo đúng kế hoạch tuyển sinh của trường [H1-1.2-12].

Hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở được thành lập và ngừng hoạt động khi công tác xét tốt nghiệp Trung học cơ sở kết thúc. Hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở có nhiệm vụ xét và đề nghị công nhận danh sách học

sinh tốt nghiệp trung học cơ sở cho những học sinh lớp 9 đủ điều kiện tốt nghiệp [H1-1.2-13].

c) Hằng năm Hội đồng trường thực hiện họp vào đầu năm học, giữa học kỳ I và cuối năm học nhằm đánh giá các hoạt động của nhà trường theo các thời điểm [H1-1.2-09].

Mức 2:

Hội đồng trường quyết nghị về mục tiêu, chiến lược phương hướng phát triển của nhà trường; về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường; giám sát các hoạt động của nhà trường; góp ý và tư vấn cho hiệu trưởng về công tác quản lý chuyên môn cũng như các biện pháp để cải thiện các chỉ tiêu năm học chưa đạt [H1-1.2-09].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường được thành lập theo quyết định, có đủ số lượng và cơ cấu quy định. Hội đồng trường hoạt động theo chức năng, định kỳ đều có họp để đánh giá, rà soát các hoạt động của trường.

3. Điểm yếu

Việc rà soát đánh giá của hội đồng trường có thực hiện nhưng chưa thường xuyên, liên tục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024, hiệu trưởng tiếp tục thực hiện việc rà soát thường xuyên hơn để hoàn thành theo kế hoạch đề ra.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Chi bộ trường Trung học cơ sở Colette trực thuộc Đảng bộ phường Võ Thị Sáu, Quận 3 có 26 đảng viên, trong đó có 02 đảng viên dự bị, Công đoàn trường có 85 công đoàn viên; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh với 05 đoàn viên; Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh với 1571 đội viên và các tổ chức xã hội như hội Khuyến học, Ban đại diện cha mẹ học sinh, hội Chữ thập đỏ [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

b) Chi bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và các Hội đồng của trường hoạt động đúng quy định [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06], [H1-1.3-10].

Chi bộ nhà trường lãnh đạo chính quyền thực hiện nhiệm vụ đề ra trong năm học. Các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh hoạt động đúng chức năng theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, tư vấn cho hiệu trưởng xây dựng và nâng cao các hoạt động của nhà trường thuộc trách nhiệm, quyền hạn của mình thể hiện qua Nghị quyết chi bộ, Nghị quyết của Hội đồng trường,

phương hướng của đoàn thể (Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh) hằng tháng [H1-1.3-10].

c) Công tác rà soát, đánh giá các hoạt động sau mỗi học kỳ được thực hiện khá đầy đủ thông qua các báo cáo sơ kết, tổng kết [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09], [H1-1.3-10].

Mức 2:

a) Trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng. Chi bộ trường THCS Colette trực thuộc Đảng bộ phường Võ Thị Sáu, Quận 3 với 26 đảng viên, cấp ủy có quyết định của Đảng bộ phường Võ Thị Sáu [H1-1.3-10]. Trong 05 liên tiếp từ năm 2018 đến 2022 chi bộ được đánh giá xếp loại chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ và riêng năm 2022 được xếp loại chi bộ hoàn thành xuất sắc tiêu biểu [H1-1.3-11].

b) Công đoàn trường chăm lo tốt đời sống công đoàn viên để đội ngũ an tâm công tác, đồng thời động viên giáo viên, nhân viên tích cực thi đua các phong trào của trường. Công đoàn được công nhận Công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ về tổ chức [H1-1.3-12].

Chi đoàn giáo viên thực hiện tốt các phong trào của Quận đoàn, Đoàn phường Võ Thị Sáu và hỗ trợ tích cực công tác của Liên Đội. Chi đoàn được công nhận xuất sắc nhiều năm liền [H1-1.3-13].

Đội Thiếu niên Tiền phong của trường đã tham gia tích cực các hoạt động phong trào của Đoàn đội đạt nhiều thành tích được Quận đoàn công nhận Liên đội vững mạnh xuất sắc nhiều năm liền. [H1-1.3-14].

Mức 3:

a) Trong 05 liên tiếp từ năm 2018 đến 2022 chi bộ được đánh giá xếp loại chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ và riêng năm 2022 được xếp loại chi bộ hoàn thành xuất sắc tiêu biểu [H1-1.3-11].

b) Tổ chức Công đoàn đã phát động phong trào thi đua “dạy tốt và học tốt” trong nhà trường, chăm lo đời sống cho công đoàn viên, tích cực tham gia các hoạt động của công đoàn ngành.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh phối hợp và tham gia tích cực các phong trào hoạt động của Đoàn Đội của trường và địa phương, hỗ trợ tích cực cho hoạt động chuyên môn, giáo dục đạo đức và rèn kỹ năng sống cho học sinh.

Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh của trường đã có những đóng góp tích cực hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng được đánh giá từ hoàn thành tốt đến vững mạnh 05 năm liền và được khen thưởng [H1-1.3-12]; [H1-1.3-13]; [H1-1.3-14]; [H1-1.3-15]; [H1-1.3-16]; [H1-1.3-17]. Tuy nhiên Chi đoàn giáo viên có số giáo viên đến tuổi trưởng thành đoàn ngày càng nhiều nên cần có lực lượng bổ sung.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các tổ chức đoàn thể và hoạt động theo quy định, là cơ sở tham mưu giúp Hiệu trưởng hoàn thành nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Lực lượng đoàn viên giảm, đang già hóa đội ngũ đoàn viên (vượt quá tuổi đoàn) nên hạn chế trong sinh hoạt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023 – 2024, hiệu trưởng nhà trường tham mưu cấp lãnh đạo để bổ sung giáo viên trẻ trong công tác tuyển dụng giáo viên, nhằm trẻ hóa đội ngũ nhằm giúp cho chi đoàn có điều kiện hoạt động ngày càng tốt hơn trong những năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường.

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Colette là trường hạng 1 nên có 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng do Ủy ban nhân dân Quận 3 bổ nhiệm. Tuy nhiên từ tháng 01/8/2023, có 01 phó hiệu trưởng về hưu theo chế độ nên hiện trường còn khuyết 01 phó hiệu trưởng [H1-1.4-01].

b) Hằng năm, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập các tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Từ năm học 2018-2019 đến nay, nhà trường có 09 tổ chuyên môn bao gồm:

- Tổ Toán.
- Tổ Lý-Hóa-Sinh.
- Tổ Ngữ văn.
- Tổ Tiếng Anh.
- Tổ Pháp văn.
- Tổ Sử - Địa - Giáo dục công dân.
- Tổ Công nghệ - Tin học.
- Tổ Thể dục - Âm nhạc - Mỹ thuật
- Tổ Văn phòng

Mỗi tổ đều có một tổ trưởng và một tổ phó, cơ cấu tổ chức theo quy định, trong từng tổ có các nhóm trưởng và thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch chung của

nhà trường. Có 03 tổ chuyên môn là tổ ghép nên khó khăn trong việc dự giờ và sinh hoạt chuyên môn [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

c) Đầu năm học, các tổ trưởng chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ về thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và các hoạt động khác theo năm, kế hoạch cho từng tháng, kế hoạch cho từng tuần, đề xuất hiệu trưởng phân công giáo viên dạy và giáo viên chủ nhiệm lớp theo năm học. Tổ chức cho giáo viên thực hiện nghiên cứu và đề xuất lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đề xuất các tài liệu tham khảo để lựa chọn sử dụng trong nhà trường theo quy định. Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, tham gia đánh giá hiệu trưởng và phó hiệu trưởng theo Chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông. Tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ hai lần trong một tháng [H2-1.4-04].

Các tổ chuyên môn bám sát sự chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo và kế hoạch của nhà trường để thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ trường trung học; tổ văn phòng thực hiện nhiệm vụ quản lý hồ sơ cán bộ, giáo viên, công nhân viên, học sinh; hỗ trợ các hoạt động giảng dạy. Công tác rà soát, đánh giá các hoạt động sau mỗi học kỳ được thực hiện khá đầy đủ thông qua các báo cáo sơ kết, tổng kết [H2-1.4-04], [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07].

Mức 2:

a) Vào tháng 9 đầu năm học, tổ trưởng chuyên môn lập kế hoạch và thực hiện được mỗi học kỳ ít nhất 01 chuyên đề của tổ và của trường. Các chuyên đề của các tổ thực hiện nhằm mục đích nâng cao chất lượng dạy và học đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy và học [H1-1.4-04], [H1-1.4-08].

b) Mỗi tháng 1 lần, phó hiệu trưởng kiểm tra hoạt động của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng nhằm đánh giá, điều chỉnh việc thực hiện nhiệm vụ được phân công trong tháng từ đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và hiệu quả công việc [H1-1.4-05], [H1-1.4-06],

Mức 3:

a) Tổ chuyên môn đã thực hiện nhiều chuyên đề của tổ và trường hằng năm như “Đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học” và “Đổi mới tiết sinh hoạt chủ nhiệm theo hướng rèn kỹ năng sống”... đã đóng góp nhiều trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-04], [H1-1.4-08]; Tổ văn phòng cũng có nhiều đóng góp trong việc hỗ trợ nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Thư viện giới thiệu sách, tư liệu cho giáo viên và học sinh, phối hợp với tổ bộ môn thực hiện các chuyên đề, cuộc thi chuyên môn. Bộ phận y tế tổ chức những buổi truyền thông chăm lo sức khỏe cho giáo viên và học sinh. Bộ phận tài vụ kế toán thực hiện tốt các chế độ chính sách cho giáo viên và học sinh. Bộ phận phục vụ, bảo vệ cũng làm tốt nhiệm vụ được phân công đảm bảo an toàn nơi trường học và vệ sinh môi trường xanh sạch đẹp [H1-1.4-05]; [H1-1.4-07].

b) Hằng năm, theo kế hoạch năm học các tổ chuyên môn đều tổ chức các chuyên đề có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của trường và được tổ Bộ môn của Quận nhận xét đánh giá tốt. Sau những chuyên đề chất lượng giáo dục có cải thiện, giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học, học sinh hứng thú hơn trong học tập [H1-1.4-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động các tổ theo đúng quy định tại Điều lệ trường trung học.

Tổ chuyên môn sinh hoạt đúng quy định, duy trì nề nếp họp nghiêm túc, các thành viên trong tổ có tinh thần học hỏi lẫn nhau để nâng cao trình độ chuyên môn, xây dựng quy định cụ thể trong tổ.

3. Điểm yếu

Các tổ ghép còn khó khăn trong việc dự giờ và sinh hoạt chuyên môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng biên chế tổ chuyên môn độc lập hoặc tổ ghép các bộ môn có cùng ngày nghỉ chuyên môn để đảm bảo thời gian và nội dung sinh hoạt tổ. Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên

môn nghiên cứu sắp xếp thời khóa biểu hợp lý nhất để tránh ảnh hưởng đến các buổi sinh hoạt chuyên môn của các thành viên tổ ghép.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 4 khối lớp từ khối 6 đến khối 9, các lớp của mỗi khối được biên chế từ đầu năm học [H1-1.5-01], [H1-1.5-04].

b) Mỗi lớp đều có một lớp trưởng và một lớp phó do tập thể lớp bầu ra. Trong lớp học sinh được chia thành 04 tổ đến 06 tổ, mỗi tổ có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó do học sinh trong tổ bầu ra. Mỗi lớp học có 01 giáo viên chủ nhiệm phụ trách và quản lý các hoạt động của lớp theo nội dung hoạt động của nhà trường [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

c) Mỗi lớp học có một giáo viên chủ nhiệm quản lý học sinh. Giáo viên chủ nhiệm phân công cho lớp trưởng, các lớp phó chịu trách nhiệm quản lý lớp. Ban cán sự tổ do các thành viên của tổ bầu ra chịu trách nhiệm quản lý tổ. Ban cán sự lớp và ban cán sự tổ hàng tuần báo cáo cho giáo viên chủ nhiệm tình

hình học tập và kỷ luật của lớp. Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Giáo viên chủ nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên cán bộ lớp [H1-1.5-03].

Mức 2:

Trong năm học 2022-2023, trường có tất cả 40 lớp. Sĩ số học sinh phân bố chưa đồng đều, lớp có sĩ số ít nhất là lớp 6/1 Tích hợp với 28 học sinh/lớp, lớp có sĩ số đông nhất là lớp 6/7 với 46 học sinh/lớp [H1-1.5-01], [H1-1.5-02]; [H1-1.5-04].

Mức 3:

Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023 trường có không quá 45 lớp, có những lớp có sĩ số học sinh vượt hơn 40 học sinh theo quy định [H1-1.5-01]; [H1-1.5-04]. Trường có học sinh diện khuyết tật từ trường tiểu học chuyển sang, mỗi lớp có từ 01 đến 03 em học sinh khuyết tật, chủ yếu thuộc diện khó khăn về trí tuệ [H1-1.5-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các khối lớp và được tổ chức theo quy định của Điều lệ trường trung học

3. Điểm yếu

Sĩ số học sinh của các lớp chưa đồng đều, một vài lớp có học sinh vượt quá 45 em học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong kế hoạch tuyển sinh năm học 2023-2024, hiệu trưởng tham mưu với lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 trong công tác phân tuyến để giảm số học sinh/lớp nhằm đảm bảo cân đối sĩ số học sinh giữa các lớp học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế

chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Các hồ sơ, văn bản về quản lý tài chính và tài sản được nhà trường lưu trữ và bảo quản cẩn thận tại bộ phận kế toán, các chứng từ thu chi trong năm cũng được lưu trữ theo quy định.

Các hồ sơ, văn bản được nhà trường lưu trữ đầy đủ, khoa học thông qua sổ quản lý văn bản công văn đi, đến. Tuy nhiên một số bộ phận chuyên trách lưu trữ hồ sơ chưa thực hiện liên tục qua các năm [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02].

b) Hằng năm, nhà trường thực hiện lập dự toán ngân sách nhà nước và được cấp trên phê duyệt, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản nhà nước đúng theo quy định công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-02], [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04], [H1-1.6-06], [H1-1.6-07], [H1-1.6-08], [H1-1.6-09].

c) Hằng tháng, trường công khai tài chính để cán bộ, giáo viên, công nhân viên biết và tham gia giám sát, kiểm tra. Ban thanh tra nhân dân thực hiện kiểm tra tài chính một năm bốn lần [H1-1.6-05]. Hằng năm, vào đầu tháng 10, trường

xây dựng dự thảo quy chế chi tiêu nội bộ, lấy ý kiến đóng góp trong tổ, hội đồng, quy chế sẽ có hiệu lực sau khi đã thống nhất trong Hội nghị công chức viên chức, tuy nhiên có lúc công khai tài chính hàng tháng còn chậm [H1-1.6-10]. Hiệu trưởng và kế toán nắm vững chính sách về tài chính, được bồi dưỡng nghiệp vụ, quản lý và thực hiện công tác tài chính theo đúng quy định nhà nước, không để xảy ra mất mát tài sản, tiền bạc, tham ô, chi không đúng quy định.

Mức 2:

a) Trong công tác quản lý hành chính, tài chính trường có ứng dụng công nghệ thông tin là phần mềm “Quản lý hành chính, tài chính và tài sản” đã tạo được hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường [H1-1.6-09].

b) Trong 05 năm kể từ năm 2018 đến năm 2023, trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-05].

Mức 3:

Trường chưa có kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H1-1.6-07].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và kế toán nắm vững chính sách về tài chính, được bồi dưỡng nghiệp vụ, quản lý và thực hiện công tác tài chính theo đúng quy định nhà nước, không để xảy ra mất mát tài sản, tiền bạc, tham ô, chi không đúng quy định.

3. Điểm yếu

Trường chưa có kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024, hiệu trưởng phối hợp với Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân để sắp xếp nhân sự, thời gian kiểm tra tài chính theo định kỳ hoặc đột xuất, lập kế hoạch chiến lược trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường hằng năm đều có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên như cử giáo viên học các lớp trung cấp chính trị do quận tổ chức, các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ do Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức, các lớp bồi dưỡng cho cán bộ quản lý và nhân viên do Phòng Nội vụ tổ chức [H1-1.7-01], [H1-1.7-02], [H1-1.7-06], [H1-1.7-09].

b) Nhà trường thực hiện nhu cầu biên chế hằng năm đối với giáo viên, công nhân viên; thực hiện công tác quy hoạch cán bộ đúng chỉ đạo của Phòng Nội vụ và Phòng Giáo dục và Đào tạo theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Lao động, Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật. Nhà trường có hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1.1-06], [H1-1.7-03], [H1-1.7-04], [H1-1.7-05].

c) Giáo viên và nhân viên của trường được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 32, Điều lệ trường trung học: được nhà trường tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh; được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo các chế độ, chính sách

quy định đối với nhà giáo; được trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức tham gia quản lý nhà trường; được hưởng lương và phụ cấp (nếu có) khi được cử đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định hiện hành; được cử tham gia các lớp bồi dưỡng, hội nghị chuyên đề để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H1-1.7-07], được khen thưởng, học tập bồi dưỡng chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ mỗi học kỳ, cuối năm để động viên, khen thưởng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên khi hoàn thành nhiệm vụ [H1-1.7-08], được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, được chăm sóc sức khỏe hằng năm theo quy định [H1-1.7-08]; được bảo vệ nhân phẩm, danh dự, an toàn thân thể; được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật, thể hiện qua báo cáo tổng kết năm học và báo cáo tổng kết của Công đoàn tại Hội nghị công chức viên chức hằng năm [H1-1.3-07].

Mức 2:

Để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, trường đã tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên tham gia học bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ. Tuy nhiên, trường vẫn còn một nhân viên y tế chưa đạt chuẩn theo quy định hiện đang theo học lớp bồi dưỡng. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cùng tổ trưởng chuyên môn đã thường xuyên kiểm tra, dự giờ và rút kinh nghiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ phân công của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên vào mỗi tháng trong cuộc họp liên tịch và hội đồng sư phạm [H1-1.7-05]. Thực hiện các chính sách khen thưởng để động viên và khen thưởng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong học tập nâng cao trình độ chuẩn, tham gia các phong trào thi đua của trường, của quận, tham gia hội thi giáo viên giỏi các cấp [H1-1.6-06]; [H1-1.7-04]; [H1-1.3-07].

2. Điểm mạnh

Trường thực hiện sự phân công theo trình độ, năng lực của từng cá nhân theo vị trí việc làm, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường, bên cạnh đó trường cũng thực hiện các quyền theo quy định của Luật công chức, viên chức và Điều lệ trường phổ thông.

3. Điểm yếu

Trường còn vị trí nhân viên y tế đang theo học lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024, hiệu trưởng khuyến khích, động viên, tạo điều kiện để nhân viên y tế sắp xếp thời gian tham gia các lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học, thực hiện thời gian năm học theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo. Căn cứ vào chương trình giáo dục, kế hoạch thời gian năm học trường đã xây dựng kế hoạch năm học và thời khóa biểu phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.8-01], [H1-1.8-02].

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường được thực hiện đầy đủ. Hoạt động giảng dạy được tiến hành thông qua việc dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình giáo dục của cấp học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H1-1.4-04], [H1-1.4-05], [H1-1.8-01], [H1-1.8-02], [H1-1.8-03], [H1-1.8-04]. Bên cạnh đó, nhà trường đã quan tâm, tích cực thực hiện các hoạt

động giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt động trải nghiệm-hướng nghiệp; giáo dục kỹ năng sống nhằm phát triển toàn diện và bồi dưỡng năng khiếu; các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh [H1-1.1-08].

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời qua việc theo dõi quá trình thực hiện các kế hoạch giáo dục của giáo viên và nhân viên, báo cáo của giáo viên và nhân viên nhằm rút kinh nghiệm để thực hiện tốt nhiệm vụ năm học [H1-1.4-04], [H1-1.4-05], [H1-1.8-03].

Mức 2:

Hiệu trưởng đã chỉ đạo phó hiệu trưởng và tổ trưởng chuyên môn kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục theo kế hoạch năm học. Hằng năm, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 về kiểm tra hoạt động giáo dục của trường và đã đánh giá trường thực hiện các hoạt động giáo dục có hiệu quả [H1-1.8-06]. Vào đầu năm học, trường phổ biến các văn bản chỉ đạo việc dạy thêm, học thêm và quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm theo quy định tại Thông tư 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cán bộ quản lý đã cho giáo viên thực hiện kê khai tổ chức dạy thêm theo quy định, hồ sơ đảm bảo đầy đủ theo quy định, chưa kết hợp với địa phương để kiểm tra thực tế [H1-1.2-06], [H1-1.2-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các kế hoạch theo quy định. Các kế hoạch được đề ra hằng tháng và được triển khai thực hiện đầy đủ và có rà soát đánh giá.

3. Điểm yếu

Chưa kết hợp với địa phương để kiểm tra thực tế việc dạy thêm học thêm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tron năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường sẽ tiếp tục tăng cường rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời các kế hoạch giáo dục nhằm quản lý tốt các hoạt động giáo dục của nhà trường một cách toàn diện, cán bộ quản lý và đoàn thể tiếp tục tăng cường các hình thức phổ biến, tuyên truyền những quy định về dạy thêm, học thêm giúp giáo viên thực hiện nghiêm túc theo các văn

bản chỉ đạo. Phối kết hợp với chính quyền địa phương để nắm được tình hình dạy thêm, học thêm, có kế hoạch kiểm tra hoạt động dạy thêm học thêm hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường đã tổ chức cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch năm học, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường ngay tại tổ như: Kế hoạch năm học, Quy chế thi đua khen thưởng, Quy chế chi tiêu nội bộ của trường, Quy chế kiểm tra đánh giá... [H1-1.3-04], [H1-1.3-07], [H1-1.9-01].

b) Các kiến nghị của giáo viên, nhân viên khi được phản ánh đều được nhà trường quan tâm xem xét giải quyết nếu hợp lý, chính đáng [H1-1.9-01], [H1-1.9-02], [H1-1.9-03],

c) Vào cuối học kỳ I, cuối năm học trường đều thực hiện báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở về Phòng Giáo dục và Đào tạo [H1-1.9-04], [H1-1.9-05], [H1-1.9-06].

Mức 2:

Hội đồng trường đã ban hành quy chế dân chủ cơ sở và công khai trong hội đồng sư phạm để thực hiện, tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên thực

hiện và giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ, được đóng góp ý kiến xây dựng và phát triển nhà trường thông qua các cuộc họp định kỳ của nhà trường và thông qua hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm tuy nhiên cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa có nhiều ý kiến. Cơ chế giám sát thực hiện quy chế dân chủ được thông qua hoạt động kiểm tra giám sát của Ban thanh tra nhân dân và có sự phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể, tổ chuyên môn trong nhà trường nhằm đảm bảo dân chủ phải đi đôi với nề nếp kỷ cương [H1-1.9-04]; [H1-1.9-05], [H1-1.9-06], [H1-1.9-05], [H1-1.9-06], [H1-1.9-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ cơ sở, lắng nghe ý kiến từ giáo viên, công nhân viên để giải quyết kịp thời.

3. Điểm yếu

Cán bộ, giáo viên, nhân viên trường chưa mạnh dạn trong đóng góp ý kiến cá nhân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng sẽ tiếp tục phát huy những điểm mạnh để xây dựng trường phát triển vững mạnh, tạo điều kiện để cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia đóng góp ý kiến.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) *Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

Mức 2:

a) *Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

b) *Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội như AIDS/HIV. Phối hợp với Đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy Quận 3 tổ chức tập huấn cho cán bộ, giáo viên và nhân viên của trường. Tuy nhiên do nằm sát đường nên xe ô tô còn đậu trước cổng trường gây khó khăn vào các giờ học sinh tan học [H1-1.10-01], [H1-1.10-02], [H1-1.10-03], [H1-1.10-04], [H1-1.10-05], [H1-1.10-06].

b) Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng qua điện thoại, hệ thống tin nhắn, cổng thông tin điện tử của trường, mạng xã hội... để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân, phụ huynh, học sinh. Nhà trường phối hợp tốt các lực lượng trong và ngoài nhà trường đảm bảo trật tự an ninh; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường. Trong nhiều năm qua, tình hình trật tự trong nhà trường luôn đảm bảo tốt, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, trường không xảy ra dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm hay các tai nạn gây thương tích nghiêm trọng trong học sinh và giáo viên. Trường được Ủy ban nhân dân Quận 3 cấp giấy

chứng nhận trường học an toàn và công tác y tế học đường luôn được đoàn kiểm tra y tế liên ngành của Quận đánh giá tốt [H1-1.10-07], [H1-1.10-08], [H1-1.10-09].

c) Trong nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, không có hiện tượng bạo lực học đường. Bình đẳng giới được tôn trọng trong mọi lĩnh vực hoạt động giáo dục; nam và nữ đều được hỗ trợ và tạo điều kiện để phát huy khả năng tham gia vào các hoạt động của nhà trường [H1-1.10-10], [H1-1.10-11].

Mức 2:

a) Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực học đường trong các buổi họp Hội đồng sư phạm và trong các buổi sinh hoạt dưới cờ [H1-1.2-07], [H1-1.2-08]. Tuy nhiên các buổi diễn tập về phòng cháy chữa cháy, các chuyên đề chuyên sâu về phòng chống bạo lực học đường, xâm hại còn hạn chế về số lượng.

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự của trường qua giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm, hộp thư góp ý, trang thông tin điện tử của trường, mạng xã hội... để có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên và học sinh [H1-1.10-09].

2. Điểm mạnh

Thường xuyên theo dõi tình hình an ninh trật tự, có phương án cho giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia diễn tập về phòng cháy chữa cháy; trường ký kết với Công an phường Võ Thị Sáu để hỗ trợ trong việc bảo đảm an toàn trường học; trong trường không có hiện tượng kỳ thị, bạo lực học đường.

3. Điểm yếu

Do trường nằm sát đường nên xe ô tô còn đậu lấn chiếm trước cổng trường gây khó khăn vào các giờ tan học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024, bộ phận giáo vụ, Đoàn Đội, nhân viên tư vấn học đường tăng cường biện pháp tuyên truyền giáo dục để nâng cao ý thức của học sinh. Tiếp tục kết hợp với Công an, đội dân phòng phường Võ Thị Sáu giữ gìn an ninh trật tự trước cổng trường. Tham mưu với Ủy ban nhân dân quận, phường; Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc xin giải tỏa các xe tư nhân hay đậu trước cổng để trả mặt bằng thông thoáng trước cổng trường nhằm hạn chế ùn tắc giao thông vào các giờ tan học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

- Điểm mạnh nổi bật:

- Hội đồng trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định.
- Số lớp, số học sinh của từng lớp được phân chia theo đúng Điều lệ trường THCS.
- Hiệu trưởng phân công công việc cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường.

- Điểm yếu cơ bản:

- Việc rà soát, bổ sung kế hoạch chiến lược chưa được thực hiện theo từng giai đoạn.
- Nhà trường chưa có biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Tổng số tiêu chí đạt, tiêu chí không đạt

- + Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10. Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.
- + Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10. Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 01/10.
- + Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 01/05. Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 04/05.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Việc xây dựng một trường học hoàn chỉnh trước hết phải xây dựng được bộ khung nhân sự cốt cán hoàn chỉnh. Do vậy, việc quy hoạch bổ nhiệm nhân sự cán bộ quản lý nhà trường, bao gồm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, với đầy đủ các yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo là một trong những vấn đề quan trọng bắt buộc.

Nếu việc hình thành bộ khung nhân sự quản lý là yêu cầu cơ bản thứ nhất thì hiệu suất đào tạo và chất lượng giáo dục đào tạo của một trường học lại phụ thuộc rất lớn vào đội ngũ sư phạm. Người giáo viên, qua việc giảng dạy truyền thụ kiến thức, rèn nhân cách, kỹ năng sống cho học sinh thông qua từng giờ lên lớp, sẽ là nhân tố chủ đạo và chủ lực trong việc tạo ra hiệu quả giáo dục. Vì vậy, việc xây dựng đội ngũ sư phạm đạt và vượt các yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, khối đoàn kết nội bộ được xây dựng, củng cố trong tập thể sư phạm cũng như một số quy định khác phải được coi là yếu tố cơ bản trọng tâm hàng đầu của mọi đơn vị trường học.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Colette có hiệu trưởng, 01 phó hiệu trưởng đều đạt trình độ chuẩn đào tạo của nhà giáo theo quy định. 100% cán bộ quản lý có thời gian trực tiếp giảng dạy trên 10 năm, trình độ lý luận chính trị đạt trung cấp, tốt nghiệp đại học sư phạm, ngoại ngữ đạt trình độ B trở lên, tin học đạt trình độ A trở lên và có trình độ thạc sĩ trình độ quản lý giáo dục, có đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp, được tập thể giáo viên, nhân viên tín nhiệm [H2-2.1-01].

b) Hằng năm, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường được tập thể giáo viên, nhân viên nhận xét góp ý xây dựng về quá trình công tác, được Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 đánh giá xếp loại về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực quản lý đạt mức Tốt [H2-2.1-02].

c) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đã qua các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chính trị và quản lý giáo dục; hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều đã hoàn thành lớp Trung cấp chính trị và thạc sĩ quản lý giáo dục. Tuy nhiên, kỹ năng giao tiếp, sử dụng ngoại ngữ của cán bộ quản lý còn hạn chế [H2-2.1-03].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, cán bộ quản lý đều được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức Tốt theo quy định chuẩn Hiệu trưởng tại các Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, điều 8 tại chương II của Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2-2.1-02].

b) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều có trình độ trung cấp lý luận chính trị. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều có phẩm chất chính trị tốt và năng lực quản lý vững vàng được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H2-2.1-01], [H2-2.1-02], [H2-2.1-04], [H2-2.1-05].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt [H2-2.1-02].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý đảm bảo các tiêu chuẩn về trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức, chuyên môn, nghiệp vụ trên chuẩn quy định, có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý.

3. Điểm yếu

Năng lực sử dụng Tiếng Anh của cán bộ quản lý còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cán bộ quản lý tích cực tham gia học tập bồi dưỡng thường xuyên hằng năm về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý để đổi mới phương pháp quản lý theo hướng chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa và hiện đại hóa; phát huy tính chủ động, sáng tạo, tinh thần phối hợp hiệu quả trong công việc.

Ở năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo, cán bộ quản lý sẽ tự sắp xếp để học nâng cao trình độ ngoại ngữ tiếng Anh nhằm nâng cao trình độ và khả năng giao tiếp ngoại ngữ với người nước ngoài.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa

học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023, đội ngũ giáo viên của trường đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 1,8 giáo viên/lớp, số lượng giáo viên diện viên chức, đủ cơ cấu giáo viên để phân công dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2006 và Chương trình giáo dục phổ thông 2018 [H1-1.7-03], [H2-2.2-01].

b) Nhà trường có 100% giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo trở lên hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm theo quy định định tại điểm b, khoản 1, Điều 72 của Luật Giáo dục 2019 [H2-2.2-01], [H2-2.2-02].

c) Mỗi năm học, trường đều tiến hành đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên, 100% giáo viên được xếp loại theo Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở từ loại khá trở lên [H2-2.1-05], [H2-2.2-03], [H2-2.2-04].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp từ 2018 đến 2022, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H2-2.2-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp từ 2018 đến 2022, trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-03], [H2-2.2-04].

c) Giáo viên của trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh. Hằng năm, trường đã tổ chức cho giáo viên và học sinh tham gia những hoạt động trải nghiệm thực tế kết hợp với hướng nghiệp để định hướng phân luồng cho học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở. Giáo viên của trường có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học nhưng số lượng không nhiều và hiệu quả chưa cao [H2-2.2-05]. Trong 05 năm liên tiếp từ năm 2018 đến 2022, trường không có giáo viên nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-02].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp từ năm 2018 đến năm 2022, trường đạt 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có trên 95% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt [H2-2.2-03], [H2-2.2-04]. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên không có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

2. Điểm mạnh

100% giáo viên của trường đều đạt chuẩn trở lên. Đảm bảo bố trí đủ giáo viên dạy/lớp, có đủ giáo viên các môn dạy bắt buộc theo quy định, không có giáo viên dạy không đúng môn theo đào tạo.

3. Điểm yếu

Khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học của giáo viên còn hạn chế và việc tham gia nghiên cứu khoa học của học sinh chưa nhiều

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2023-2024 và những năm học tiếp theo, trường tiếp tục duy trì đủ số lượng, cơ cấu giáo viên cho tất cả các môn học.

Nhà trường tiếp tục động viên, tạo điều kiện cho giáo viên được bồi dưỡng, tập huấn về nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đội ngũ nhân viên đảm nhiệm tốt các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công theo vị trí việc làm được quy định tại Điều 4 Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm: 01 y tế, 01 kế toán, 01 thủ quỹ, 01 văn thư, 01 thư viện kiêm thiết bị, 03 nhân viên bảo vệ, 03 nhân viên phục vụ. Từ năm học 2023 – 2024, nhà trường có 01 nhân viên chuyên trách hỗ trợ hòa nhập, khuyết tật. Nhà trường không có nhân viên công nghệ thông tin và nhân viên thực hành thí nghiệm, hiệu trưởng phân công giáo viên thực hiện kiêm nhiệm công nghệ thông tin và thực hành thí nghiệm [H2-2.3-01], [H2-2.3-02], [H2-2.3-03], [H2-2.3-04].

b) Nhân viên văn thư, thư viện, y tế, kế toán được phân công hợp lý đúng người đúng việc, phù hợp với năng lực chuyên môn [H2-2.3-01].

c) Tất cả nhân viên với tinh thần trách nhiệm, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao [H2-2.2-04], [H2-2.3-05], [H2-2.3-06].

Mức 2:

a) Nhà trường chưa có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định tại Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017. Cụ thể trường

có 01 nhân viên kế toán, 01 thủ quỹ, 01 nhân viên y tế, 01 nhân viên thư viện kiêm thiết bị, 01 nhân viên văn thư, 03 nhân viên phục vụ, 03 nhân viên bảo vệ. Trường không có nhân viên phụ trách phòng thực hành thí nghiệm và phòng thiết bị, vị trí công việc đó đều do giáo viên kiêm nhiệm [H1-1.7-03], [H2-2.3.01].

b) Trong 05 năm liên tiếp từ năm 2018 đến năm 2022, nhân viên luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trường không có nhân viên nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-03], [H2-2.2-04], [H2-2.3-05], [H2-2.3-06].

Mức 3:

a) Nhân viên kế toán, thủ quỹ, văn thư đều có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm. Nhân viên y tế có trình độ trung cấp được, đang học lớp bồi dưỡng để đáp ứng vị trí việc làm [H2-2.3-01], [H2-2.3-07].

b) Hằng năm, các nhân viên đều được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm để nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ [H2-2.3-07].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên được phân công rõ ràng phù hợp với bằng cấp chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo chế độ chính sách và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Nhà trường còn thiếu nhân viên phụ trách công tác thiết bị và công nghệ thông tin.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch để tuyển dụng bổ sung nhân viên phụ trách công tác thiết bị và công nghệ thông tin.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

a) *Đảm bảo quy định về tuổi học sinh;*

b) Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh và quy định về các hành vi học sinh không được làm;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Học sinh của nhà trường có độ tuổi từ 11 đến 16 theo đúng độ tuổi bậc học trung học cơ sở từ lớp 6 đến lớp 9 theo Điều 37 của Điều lệ trường trung học [H1-1.5-01], [H1-1.5-04].

b) Hầu hết học sinh đều chấp hành và thực hiện tốt nhiệm vụ, từ đầu năm học nhà trường đã đề ra các quy định về những hành vi mà học sinh không được làm theo Điều 38 và Điều 41 của Điều lệ trường trung học và nội quy của nhà trường [H2-2.4-01]. Một số học sinh còn vi phạm nội quy trường, lớp. Do gia cảnh thiếu sự quan tâm chăm sóc của gia đình không còn ở với cha, mẹ mà người nuôi dưỡng chính lại là ông, bà lớn tuổi, nên đôi lúc đến trường muộn, không chuẩn bị bài vở khi đến lớp.

c) Nhà trường luôn đảm bảo quyền lợi của học sinh theo quy định trong Điều 39 của Điều lệ trường trung học phổ thông, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học và các quy định khác của pháp luật. Các em được nhà trường bảo vệ, đối xử bình đẳng được tham gia các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao của trường [H2-2.4-02], được khám sức khỏe hằng năm theo quy định [H2-2.4-03]. Đối với các học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhà trường phát học bổng; có chế độ miễn giảm các khoản tiền, hỗ trợ tập vở, trang phục và quà Tết để các em an tâm học tập [H2-2.4-02], [H2-2.4-03], [H2-2.4-05]; [H2-2.4-07].

Mức 2:

Đa số học sinh của nhà trường thực hiện đầy đủ 05 nhiệm vụ của học sinh và các quy định về các hành vi học sinh không được làm. Trường hợp học sinh vi phạm đều được nhà trường phát hiện và xử lý kịp thời. Phó hiệu trưởng phụ trách học sinh kết hợp với giáo viên chủ nhiệm và quản sinh tư vấn tâm lý cho học sinh cùng gia đình theo dõi giúp đỡ, động viên và học sinh có sự chuyển biến tích cực [H2-2.4-06].

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường [H2-2.4-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đảm bảo học sinh học đúng độ tuổi, được sinh hoạt học tập kỹ về nội quy và được đảm bảo các quyền theo quy định

3. Điểm yếu

Một số ít học sinh chưa tự giác thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện hạnh kiểm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, nhà trường tăng cường các chương trình giáo dục kỹ năng sống; xây dựng phòng tư vấn tâm lý có giáo viên hoặc nhân viên tư vấn chuyên trách để lắng nghe tâm tư của các em và hướng các em nâng cao ý thức trong mọi hoạt động; nhà trường thường xuyên liên hệ với cha mẹ học sinh những trường hợp học sinh vi phạm để phối hợp giáo dục toàn diện cho các em. Giáo viên chủ nhiệm, giám thị quan tâm hơn đến hoàn cảnh, tâm lý của từng em và phối hợp với phụ huynh để uốn nắn kịp thời các sai sót, tăng cường biện pháp quản lý và giáo dục học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.**Kết luận về tiêu chuẩn 2****Điểm mạnh nổi bật:**

Nhà trường thực hiện tốt cơ cấu tổ chức trong nhà trường về cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh theo Điều lệ trường trung học.

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có trình độ chính trị và chuyên môn đạt chuẩn.

Đội ngũ giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn có tỷ lệ cao.

- Điểm yếu cơ bản:

Trường chưa có nhân viên phụ trách thiết bị dạy học và công nghệ thông tin.

- Tổng số tiêu chí đạt, tiêu chí không đạt

+ Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04. Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

+ Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/04. Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 02/04.

+ Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 00/04. Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 04/04.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

Mở đầu:

Từ năm 2020, được sự quan tâm đầu tư của lãnh đạo các cấp trường đã được sửa chữa cải tạo lại khang trang, môi trường sư phạm được cải thiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

Phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng được trang bị đầy đủ bàn ghế và trang thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác dạy và học.

Hàng năm trường đều thực hiện việc sửa chữa cơ sở vật chất; bổ sung trang thiết bị, bổ sung thêm các loại sách, báo cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao hiệu quả công tác.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất $6m^2$ /học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất $10m^2$ /học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Với diện tích là $3234 m^2$ trong khuôn viên được trồng cây tạo bóng mát đáp ứng được nhu cầu về xanh, sạch, đẹp. Trong sân trang trí nhiều panô, khẩu hiệu, hình ảnh đẹp, có tác dụng tuyên truyền giáo dục cho các em [H3-3.1-01], [H3-3.1-02], [H3-3.1-03], [H3-3.1-04].

b) Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, xung quanh trường được xây dựng tường bao quanh và có 02 cổng ra vào ngay mặt tiền đường, đồng thời có biển tên trường được thực hiện theo đúng Điều lệ trường trung học [H3-3.1-05].

c) Sân trường với diện tích $600 m^2$ vừa là sân chơi, vừa là bãi tập cho học sinh luyện tập thể dục. Nhà trường không có bãi tập riêng để học sinh tập luyện thể dục thể thao theo đúng quy định. Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn, đáp ứng yêu cầu để luyện tập thể dục, thể thao và tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.1-06], [H3-3.1-07].

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập của trường chưa đáp ứng được yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-02], [H3-3.1-06]

Mức 3:

Tổng diện tích sử dụng của trường $3234 m^2$. Năm học 2022-2023, tổng số học sinh của trường là 1571 học sinh, diện tích bình quân trên học sinh là $2,79 m^2$ /học sinh. Khu sân chơi, bãi tập của trường có diện tích $600 m^2$ chiếm 18,55% [H3-3.1-01], [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Có khuôn viên riêng iệt, tường bao, cổng trường, biển trường.

Xây dựng được môi trường xanh, sạch, đẹp trong nhà trường. Các công trình vệ sinh tiện nghi và sạch sẽ.

3. Điểm yếu

Sân trường nhỏ, bãi tập thể dục thiếu; không đủ diện tích tính trên mỗi học sinh theo chuẩn quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong các năm học tiếp theo hiệu trưởng kiến nghị phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3, Ủy ban nhân dân Quận 3 có kế hoạch phân bổ học sinh về trường phù hợp theo kế hoạch dự kiến chỉ tiêu lớp, học sinh của trường từ đầu năm. Giải quyết diện tích sân bãi tập thể dục bị hạn chế bằng giải pháp xây dựng kế hoạch phối hợp với một số trung tâm thể thao gần trường cho học sinh học đăng ký một số bộ môn thể thao tự chọn như bơi lội, bóng bàn, cờ vua, võ cổ truyền...

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2023 -2024, nhà trường có 30 phòng học kiên cố để phục vụ cho 41 lớp: buổi sáng khối 7,9, buổi chiều khối 6,8. Phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, mỗi phòng bố trí 01 bảng từ, 02 máy lạnh, 01 máy chiếu, 01 bộ bàn ghế giáo viên, 12 bóng đèn, 04 quạt trở lên, có màn chắn sáng trong các phòng học đúng quy cách.

Các phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế cho học sinh theo thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế. Tuy nhiên còn một số phòng học bàn ghế chưa đạt chuẩn [H3-3.2-01], [H3-3.2-02], [H3-3.2-03].

b) Trường có các phòng học bộ môn: Lý – Công nghệ, Hóa - Sinh, Tin học, Lab. Mỗi phòng học bộ môn đảm bảo thiết bị tối thiểu theo quy định; phòng học Tin học trang bị hệ thống máy điều hòa và kết nối internet có wifi, các phòng được trang bị máy chiếu. Do diện tích mặt bằng còn hạn chế nên trường chưa xây dựng được các phòng bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật, phòng Công nghệ sử dụng cùng với phòng thực hành Lý [H3-3.2-04].

c) Nhà trường có phòng hoạt động Đoàn - Đội đặt tại tầng trệt, phòng thư viện và phòng truyền thống được bố trí tại tầng 1 khu A [H3-3.2-05], [H3-3.2-06].

Mức 2:

a) Phòng học và phòng Bộ môn thực hành Lý, Hóa, Sinh, phòng Tin học, được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định. Các phòng học được xây dựng với diện tích 61,2 m². Các phòng thực hành thí nghiệm Vật lí, Hóa học, Sinh học có diện tích 90,4 m², 01 phòng thực hành Tin học có diện tích 90,4 m². Mỗi phòng bộ môn đều có trang bị các dụng cụ, thiết bị giảng dạy phù hợp với đặc trưng bộ môn [H3-3.2-01], [H3-3.2-02], [H3-3.2-03], [H3-3.2-04] đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Khôi phục vụ học tập của trường đã đáp ứng yêu cầu hoạt động của nhà trường và theo quy định đã phục vụ tốt cho hoạt động dạy và học [H3-3.1-03], [H3-3.2-04].

Mức 3:

Trường có đủ các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định, phòng học Tin học được trang bị hệ thống máy điều hòa và kết nối internet có wifi. Các phòng học, phòng bộ môn Phòng thực hành Lý, Hóa, Sinh được trang bị máy chiếu phục vụ cho giảng dạy [H3-3.1-03], [H3-3.1-02], [H3-3.2-03].

Trường chưa có phòng hỗ trợ cho công tác dạy và học cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

2. Điểm mạnh

Các yêu cầu về cơ sở vật chất trang thiết bị được đảm bảo theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học. Tất cả phòng học các lớp đều được trang bị bảng từ và máy chiếu, máy lạnh để phục vụ cho giảng dạy.

3. Điểm yếu

Thiếu một số phòng học bộ môn như: Âm nhạc, Mỹ thuật...

Một số phòng học bàn ghế chưa đạt chuẩn theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Vào đầu năm học 2023-2024, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch phối hợp cùng Ban đại diện cha mẹ học sinh, các mạnh thường quân tiếp tục cải tạo và trang bị thêm một số bàn ghế đạt chuẩn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.3: Khôi hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường học có 09 phòng phục vụ cho hành chính - quản trị như: phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng kế toán - thủ quỹ, phòng thư viện, phòng thiết bị, phòng truyền thống, phòng quản sinh, phòng y tế, phòng giáo viên, phòng Đoàn - Đội [H3-3.2-03]; [H3-3.3-02]. Trường không có phòng truyền thống độc lập mà sử dụng cùng với khu vực phòng thư viện.

b) Nhà trường có 01 khu vực để xe cho giáo viên, nhân viên tách biệt với khu vực để xe học sinh trong khuôn viên trường. Các khu vực để xe được đảm bảo an toàn, trật tự, sắp xếp gọn, ngăn nắp, thuận tiện cho việc gửi, lấy xe.

c) Trường có định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị để đảm bảo phục vụ nhu cầu hoạt động giáo dục [H3-3.3-04].

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị trường có đủ văn phòng trường, phòng Hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng giáo viên theo quy định [H3-3.3-01], [H3-3.2-03].

Trường có một căn tin, một phòng hâm và chia thức ăn. Học sinh bán trú ăn trưa ở khu vực phòng ăn, học sinh nghỉ trưa tại phòng học, được trang bị máy lạnh, quạt, tủ để chiếu gối. Do thiếu phòng nên chưa tổ chức bán trú cho học sinh lớp 8, 9.

Tất cả đều đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.3-05], [H3-3.3-06].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị của trường đều được trang bị máy tính có kết nối internet, máy in và đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường [H3-3.2-03], [H3-3.3-07], [H3-3.3-08], [H3-3.3-09].

2. Điểm mạnh

Tuy mặt bằng diện tích trường hạn chế nhưng vẫn bố trí đầy đủ các phòng chức năng, hầu hết được trang bị các thiết bị làm việc hiện đại góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giảng dạy và học tập, làm việc của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có phòng ngủ riêng cho học sinh bán trú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024, trường sắp xếp lại các phòng chức năng để tận dụng mặt bằng, hành lang các khu để phục vụ cho học sinh bán trú đồng thời thường xuyên rà soát, sửa chữa và bổ sung thêm trang thiết bị cho khối hành chính-quản trị.

Có kế hoạch cải tạo phòng truyền thống khang trang và sạch đẹp hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Toàn trường có 03 khu vệ sinh dành riêng cho học sinh nằm dọc theo các tầng, 02 khu nhà vệ sinh dành cho giáo viên, nhân viên. Khu vệ sinh đều được chia khu riêng biệt dành cho nam và nữ, được bố trí phù hợp với cảnh quan trường học, đảm bảo thuận lợi cho học sinh hòa nhập, khuyết tật. Các công trình vệ sinh được đảm bảo thông thoáng, khô ráo, đủ ánh sáng, sạch và có khẩu hiệu nhắc nhở học sinh giữ vệ sinh chung. Công tác vệ sinh được đảm bảo sạch sẽ, nhân viên phục vụ tích cực góp phần tạo cảnh quan sạch sẽ, an toàn trong nhà trường [H3-3.4-01], [H3-3.4-02].

b) Trường có hệ thống cống thoát nước nổi đầy đủ, đảm bảo thoát hết nước khi mưa lớn. Có hệ thống nước sạch đáp ứng nhu cầu của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Có chỗ để học sinh rửa tay, học sinh sử dụng nước tinh khiết đảm bảo đã qua kiểm nghiệm và đạt chuẩn chất lượng [H3-3.4-03], [H3-3.4-04], [H3-3.4-05].

c) Trường ký hợp đồng với Công ty Dịch vụ công ích Quận 3 để thu gom rác sinh hoạt và rác y tế mỗi ngày [H3-3.4-06].

Mức 2:

a) Khu vệ sinh của trường đảm bảo được sự thuận tiện trong sinh hoạt của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Khu vệ sinh được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định, tuy nhiên do nhà vệ sinh đã được đầu tư xây dựng lâu nên một vài khu vực có hiện tượng bị thấm [H3-3.1-02].

b) Hệ thống cấp nước sạch của trường đáp ứng quy định tại khoản 1 và 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học [H3-3.4-03], [H3-3.4-04], [H3-3.4-06]. Trường đã sử dụng nguồn nước đủ điều kiện cung cấp nước ăn uống và sinh hoạt [H3-3.4-05], [H3-3.4-07].

Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý rác thải của trường đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học. Trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp, trường có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực bán trú, khu vệ sinh [H3-3.1-02]. Trường có hợp đồng với Công ty Dịch vụ công ích Quận 3 thu gom và vận chuyển rác hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-07]. Trường bố trí đủ thùng đựng và hướng dẫn học sinh phân loại rác thải, tuy vậy vẫn còn nhiều học sinh chưa có ý thức trong việc phân loại rác. Thùng đựng rác có nắp đậy và thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Việc thu gom rác thải ở phòng y tế đảm bảo thực hiện theo quy định [H3-3.4-08].

2. Điểm mạnh

Khu nhà vệ sinh học sinh có đủ nước sạch, ánh sáng, không ô nhiễm môi trường, có hệ thống cung cấp và thoát nước.

3. Điểm yếu

Nhà vệ sinh giáo viên và học sinh sau thời gian sử dụng có biểu hiện xuống cấp, bị thấm nước.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục giáo dục cho học sinh có ý thức giữ gìn vệ sinh cá nhân thông qua sinh hoạt chuyên đề rèn luyện kỹ năng sống; ý thức trách nhiệm và giữ gìn tài sản công. Bên cạnh đó, nhà trường cũng kịp thời thay mới các thiết bị vệ sinh bị hư hỏng và tăng cường hỗ trợ các dụng cụ, thiết bị bảo hộ để nhân viên phục vụ thực hiện sát khuẩn, làm sạch nhà vệ sinh.

Có kế hoạch sửa chữa nhỏ, tu bổ nhà vệ sinh giáo viên hằng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường trang bị đủ thiết bị văn phòng như: bàn ghế làm việc, tủ đựng hồ sơ và các thiết bị đèn, quạt, máy tính để bàn, máy in, máy photocopy để phục vụ cho các hoạt động của nhà trường [H3-3.5-01], [H3-3.5-08], [H3-3.5-06].

b) Nhà trường đảm bảo trang bị đầy đủ thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có sổ quản lý tài sản các năm học [H3-3.5-01], [H3-3.5-02].

Giáo viên lên lớp sử dụng đầy đủ đồ dùng dạy học cho các tiết dạy, bên cạnh đó trường còn khuyến khích và tạo điều kiện để giáo viên tự làm đồ dùng dạy học bổ sung thiết bị dạy học thêm phong phú. Tuy nhiên đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên chất lượng chưa cao, chưa thẩm mỹ.

c) Hằng năm, nhà trường thực hiện kiểm kê số lượng những thiết bị, tiến hành bổ sung, sửa chữa các thiết bị hư hỏng, mua sắm thiết bị mới [H3-3.3-02], [H3-3.5-03], [H3-3.5-04].

Mức 2:

a) Trường có hệ thống máy tính kết nối internet và máy chiếu trong các phòng học đủ đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập cho giáo viên và học sinh [H3-3.5-05], [H3-3.5-06].

b) Trường có đủ thiết bị dạy học theo quy định để phục vụ công tác quản lý và hoạt động dạy và học [H3-3.1-08], [H3-3.2-03].

c) Hằng năm, vào tháng 9 trường có bổ sung thêm các thiết bị dạy học cho các phòng thực hành thí nghiệm Lý- Hóa -Sinh, thiết bị giáo dục theo đề xuất của giáo viên phụ trách các phòng thực hành thí nghiệm Lý-Hóa-Sinh và của các tổ chuyên môn [H3-3.5-07]. Ngoài ra, giáo viên còn tự làm một số đồ dùng dạy học bổ sung vào thiết bị dạy học. Tuy nhiên đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên chất lượng chưa cao, chưa thẩm mỹ [H3-3.5-08].

Mức 3:

Phòng thí nghiệm thực hành Lý, Hóa, Sinh của trường có đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả trong các tiết thực hành [H3-3.1-08].

Trong năm học giáo viên tích cực sử dụng các máy chiếu được trang bị ở mỗi lớp học để làm phương tiện hỗ trợ cho hoạt động dạy và học. Thiết bị dạy học và đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên đa phần cũng được khai thác trong tổ, nhóm chuyên môn và sử dụng khá hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.5-08]; [H3-3.5-09]; [H3-3.5-10]. Tuy nhiên vẫn còn một số giáo viên lớn tuổi còn hạn chế trong việc sử dụng các thiết bị hiện đại, ứng dụng phần mềm trong soạn bài dạy.

2. Điểm mạnh

Có đủ thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học theo quy định, được bổ sung hằng năm và sử dụng có hiệu quả.

3. Điểm yếu

Chất lượng đồ dùng dạy học tự làm chưa cao, chưa thẩm mỹ, việc sử dụng các thiết bị hiện đại còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong các năm học tiếp theo phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn phối hợp Công đoàn nhà trường có kế hoạch tổ chức, động viên giáo viên làm đồ dùng dạy học cũng như tham gia các hội thi làm đồ dùng dạy học do các cấp tổ chức và hỗ trợ kinh phí để thực hiện.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện được trang bị sách, báo, tài liệu tham khảo phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh. Tuy nhiên số lượng sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, các văn bản quy phạm pháp luật chưa đủ theo quy định số lượng đầu sách cho học sinh của trường [H3-3.6-01], [H3-3.6-02].

b) Hằng năm, thư viện đều có kế hoạch hoạt động [H3-3.6-03]. Thư viện mở cửa hằng ngày theo giờ hành chính buổi sáng: 7g00 đến 11g30 và buổi chiều: 12g30 đến 17g00 vào tất cả các ngày trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu nhằm đáp ứng nhu cầu đọc sách của học sinh và tham khảo tài liệu của cán bộ, giáo viên, nhân viên. Hằng năm thư viện của trường phối hợp với tổ chuyên môn Ngữ văn tổ chức hội thi “Lớn lên cùng sách”, các cuộc triển lãm, trưng bày và giới thiệu sách nhằm tạo phong trào đọc sách rộng rãi trong nhà trường [H3-3.6-04], [H3-3.6-05].

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung thêm các loại sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo và các xuất bản phẩm tham khảo, sách pháp luật để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập và tìm kiếm thông tin của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.6-06], [H3-3.6-07], [H3-3.6-08].

Mức 2:

Thư viện nhà trường đạt thư viện tiên tiến theo Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông, thư viện trường với diện tích hơn 60m² đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.6-01], [H3-3.6-08], [H3-3.6-09], [H3-3.6-10].

Mức 3:

Thư viện nhà trường chưa được trang bị hệ thống máy tính có kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.2-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng và giữ vững danh hiệu “Thư viện xuất sắc”. Thư viện nhà trường phục vụ giáo viên và học sinh có hiệu quả; thường xuyên cập nhật, bổ sung sách mới hằng năm.

3. Điểm yếu

Số lượng sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, các văn bản quy phạm pháp luật chưa đủ theo quy định số lượng đầu sách cho 01 học sinh của trường. Thư

viện chưa được trang bị máy tính có kết nối internet đáp ứng yêu cầu cho học sinh tham khảo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhân viên phụ trách thư viện từng bước có kế hoạch xây dựng thư viện điện tử để phục vụ tốt hơn nhu cầu tham khảo, học tập của giáo viên và học sinh.

Xây dựng kế hoạch vận động đóng góp thêm sách mới hằng năm từ học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh; đồng thời đề xuất mua thêm sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo cho giáo viên và học sinh đủ theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về tiêu chuẩn 3:

- Điểm mạnh nổi bật:

- Trường đảm bảo các yêu cầu về cơ sở vật chất.
- Khuôn viên trường gọn, thoáng mát, yên tĩnh đảm bảo an toàn trường học.

- Website của trường cập nhật thường xuyên các thông tin.

- Điểm yếu cơ bản:

- Một số giáo viên còn ngại sử dụng thiết bị dạy học hiện đại trong tiết dạy.

- Số lượng các tiêu chí đạt, không đạt:

+ Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06. Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

+ Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/06. Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 02/06.

+ Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 01/05. Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 04/05.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Để đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh, đơn vị trường học không thể tách mình ra khỏi mối quan hệ hữu cơ chặt chẽ với môi trường gia

đình và xã hội. Có thể nói mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội là tác nhân chính trong việc giáo dục, hình thành nhân cách cho học sinh. Mối quan hệ này càng chặt chẽ, càng hợp tác bao nhiêu càng tạo điều kiện thuận lợi cho việc giáo dục nhân cách cho các em học sinh bấy nhiêu. Mối quan hệ này thể hiện qua việc nhà trường xây dựng được Ban đại diện cha mẹ học sinh ở các lớp và Ban đại diện cha mẹ học sinh trường có quan điểm thống nhất, đúng đắn đồng hành cùng nhà trường trong các kế hoạch giảng dạy, học tập và các chương trình hoạt động giáo dục khác. Mối quan hệ này còn thể hiện ở khía cạnh thông tin hai chiều. Định kỳ qua các phiên họp theo quy định và những lần trao đổi đột xuất, cha mẹ học sinh được thông tin đầy đủ về tình hình nhà trường, những thuận lợi, những mặt mạnh mà nhà trường có cũng như những khó khăn và tồn tại mà nhà trường cần phải giải quyết. Việc thông tin hai chiều được công khai, minh bạch, rõ ràng giúp cho việc quản lý học sinh ở trường và ở nhà thuận lợi; hỗ trợ tối đa cho việc giáo dục hoàn thiện nhân cách cho học sinh. Bên cạnh đó, việc kết hợp chặt chẽ với địa phương nơi trường trú đóng cũng là một trong những biện pháp phòng ngừa để tệ nạn không có điều kiện xâm nhập vào nhà trường; tạo hành lang an toàn khu vực xung quanh khuôn viên trường, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội đối với khu vực trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh trường được thành lập và hoạt động theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, thông qua Đại hội cha mẹ học sinh được tổ chức đầu mỗi năm học. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo qui định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H4-4.1-01], [H4-4.1-02].

Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp có nhiệm vụ theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT [H4-4.1-03], [H4-4.1-04].

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã xây dựng qui chế hoạt động và làm việc cụ thể và được phổ biến rộng rãi đến tất cả cha mẹ học sinh toàn trường [H4-4.1-03].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch hoạt động theo kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường để hỗ trợ các hoạt động dạy và học [H4-4.1-04]. Tuy nhiên, còn một vài thành viên trong Ban đại diện nhiệt tình nhưng chưa sắp xếp được thời gian để tham gia đầy đủ và đồng hành cùng nhà trường trong mọi hoạt động.

c) Định kỳ 3 lần/năm học (đầu năm học, cuối học kỳ 1, cuối năm học) và đột xuất khi cần thiết, nhà trường tổ chức các cuộc họp với cha mẹ học sinh, Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, Ban đại diện cha mẹ học sinh trường để tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh; nhà trường góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh; từ đó xây dựng biện pháp cải tiến hoạt động, nâng cao hiệu quả phối kết hợp giữa gia đình học sinh và nhà trường [H1-1.1-08], [H4-4.1-01], [H4-4.1-05].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục của nhà trường [H4-4.1-03], [H4-4.1-04], [H4-4.1-05]. Ban đại diện cha mẹ học sinh đã cùng nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách giáo dục đối với cha mẹ học sinh [H4-4.1-05]. Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, trường đã phối hợp với nhà trường góp phần huy động học sinh đến trường [H4-4.1-03], [H4-4.1-06], [H4-4.1-07].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp và các giáo viên bộ môn động viên cha mẹ học sinh trong lớp thực hiện trách nhiệm và quyền của mình đối với việc học tập và rèn luyện của con em mình theo qui định của điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H1-1.5-03]; [H1-1.9-03]; [H4-4.1-05]. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp cùng với Hội đồng giáo dục trường thực hiện các quan hệ phối hợp giáo dục giữa nhà trường gia đình và xã hội để hỗ trợ về tinh thần và vật chất cho trường [H4-4.1-07].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp và trường được thành lập trên tinh thần tự nguyện, dân chủ, đoàn kết và tôn trọng lẫn nhau. Ban đại diện cha mẹ học sinh gồm những thành viên nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao. Nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh có sự phối hợp tốt trong việc chăm lo và giáo dục học sinh.

3. Điểm yếu

Một vài thành viên trong Ban đại diện nhiệt tình nhưng chưa sắp xếp được thời gian để tham gia đầy đủ và đồng hành cùng nhà trường trong mọi hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng sẽ cùng với giáo viên chủ nhiệm tham mưu cho Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, trường để chọn lựa các phụ huynh có điều kiện về thời gian, nhiệt tình để tham gia trong Ban đại diện cha mẹ học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch phát triển và mục tiêu giáo dục của nhà trường. Cụ thể đã đề nghị Ủy ban nhân dân phường Võ Thị Sáu hỗ trợ công tác vận động học sinh

ra lớp, ban bảo vệ khu phố phường hỗ trợ giữ gìn an ninh trật tự trước cổng trường [H4-4.1-07], [H4-4.2-01], [H4-4.2-02].

b) Hằng năm, nhà trường đã phối hợp với chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể xây dựng kế hoạch, tổ chức các hình thức tuyên truyền với cộng đồng như: Truyền thông trực tiếp thông qua các buổi họp nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Phổ biến các văn bản pháp luật đến cha mẹ học sinh thông qua các kỳ họp định kỳ hằng năm. Tổ chức các hoạt động chuyên đề dưới sân trường, qua đó tuyên truyền cho học sinh nâng cao nhận thức về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, nhất là Đoàn phường để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh. Chi đoàn đã phối hợp tốt với Đoàn phường để tổ chức cho học sinh nghe báo cáo pháp luật về chống xâm hại tình dục trẻ em, bạo lực học đường, an toàn giao thông... Trường hỗ trợ địa điểm cho địa phương để tổ chức các hoạt động do Ủy ban nhân dân phường Võ Thị Sáu, Mặt trận tổ quốc phường tổ chức... [H4-4.2-03], [H4-4.2-04].

c) Trường đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài trợ tự nguyện hợp pháp của tổ chức, cá nhân đúng quy định để sửa chữa cơ sở vật chất, sửa chữa bổ sung trang thiết bị dạy học [H4-4.2-05], [H4-4.2-06], [H4-4.2-07]. Mỗi năm, trường đều có vận động mạnh thường quân trợ cấp học bổng cho học sinh, khen thưởng học sinh cuối năm. Khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc trong các cuộc thi.

Mức 2:

a) Nhà trường đã tham mưu cho Ban lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân Quận 3, Ủy ban nhân dân phường Võ Thị Sáu về kế hoạch tuyển sinh đầu cấp. Đề xuất với Ủy ban nhân dân Quận về kế hoạch sửa chữa trường trong hè [H4-4.2-08].

b) Trường kết hợp với Ủy ban nhân dân phường Võ Thị Sáu để tuyên truyền ngày pháp luật, giáo dục học sinh về truyền thống lịch sử, về biển đảo

quê hương, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao cho học sinh [H4-4.2-09], [H4-4.2-10]. Chi đoàn, Đội Thiếu niên Tiền phong của trường đã phối hợp với Đoàn thanh niên của phường, Hội đồng Đội tổ chức chăm sóc di tích lịch sử, chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương [H4-4.2-11].

Mức 3:

Trường đã tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương phường Võ Thị Sáu và Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp hiệu quả với trường để tổ chức những lễ hội lớn Mừng Đảng, mừng Xuân, Giỗ Tổ Hùng Vương... và kỷ niệm các ngày lễ trong năm học [H4-4.1-07], [H4-4.2-10]. Tuy nhiên, nhà trường vẫn chưa thực hiện được việc xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa giáo dục địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện phối hợp tốt với chính quyền, các tổ chức đoàn thể tại địa phương trong việc xây dựng và phát triển nhà trường. Cha mẹ học sinh đóng góp hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, khen thưởng học sinh có thành tích trong học tập và xây dựng cơ sở vật chất, các trang thiết bị dạy học giúp cho nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương nhằm xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa - giáo dục của địa phương, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, huy động mọi nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường nhằm xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về tiêu chuẩn 4:

- Điểm mạnh nổi bật:

- Trường đã xây dựng nên mối quan hệ gắn kết giữa nhà trường và ban ngành, đoàn thể địa phương, phụ huynh tạo nên sức mạnh chính trị mạnh mẽ để đảm bảo ổn định an ninh, an toàn và hỗ trợ hoạt động phát triển nhà trường.

- Các hoạt động ngoại khóa được tổ chức thường xuyên hằng năm, hình thức đa dạng, phong phú, huy động được cộng đồng tham gia.

- Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường chưa là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương.

- Số lượng các tiêu chí đạt, không đạt:

+ Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02. Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02.

+ Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02. Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02.

+ Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 01/02. Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 01/02.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Trường tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục theo chương trình và kế hoạch do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh nhằm nâng cao chất lượng. Trường thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục của địa phương. Việc bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém được quan tâm đúng mức. Các hoạt động ngoại khóa về văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cũng được thường xuyên tổ chức lồng ghép trong các chủ đề giáo dục ngoài giờ lên lớp. Trường đã tổ chức giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn cho học sinh một cách linh hoạt và hiệu quả. Qua đó, chất lượng giáo dục của nhà trường đã có sự chuyển biến về mọi mặt: tỷ lệ học sinh tốt nghiệp, vào lớp 10 các trường công lập, lên lớp thẳng, tỷ lệ học sinh giỏi các cấp hằng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu của kế hoạch đề ra.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm nhà trường thực hiện đúng kế hoạch thời gian năm học, tổ chức dạy học đúng và đủ các môn học theo quy định tại quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 đối với lớp 9. Theo thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 đối với lớp 6, 7, 8. Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục chi tiết thực hiện nghiêm túc theo công văn hướng dẫn giảng dạy, phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Giáo viên xây dựng và thực hiện kế hoạch giảng dạy của từng bộ môn theo đúng mục tiêu, phương hướng, chiến lược của nhà trường. Hiệu trưởng có kế hoạch cụ thể chỉ đạo việc thực hiện giảng dạy từng môn học theo hướng dẫn

của cấp trên. Công tác kiểm tra, rút kinh nghiệm thực hiện chương trình giảng dạy trong sinh hoạt tổ nhóm, nhóm trưởng [H1-1.8-02], [H1-1.4-04], [H1-1.4-09], [H5-5.1-01].

b) Nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn cũng như giáo viên các bộ môn thường xuyên đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học, ứng dụng hợp lý công nghệ thông tin trong dạy học, đổi mới đánh giá và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập qua các tiết dạy có kết hợp minh họa hình ảnh và sử dụng học trực tuyến có hiệu quả. Giáo viên thực hiện giảng dạy với nhiều kỹ thuật dạy học có sử dụng hệ thống internet tại phòng học. Giáo viên chú trọng hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập của cá nhân thông qua các giờ ôn tập, thực hành [H5-5.1-02], [H5-5.1-03], [H5-5.1-04], [H5-5.1-08].

c) Trường thực hiện tốt việc đổi mới việc kiểm tra đánh giá học sinh theo định hướng phát triển năng lực của học sinh. Trường cũng có kế hoạch đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả, có sự thống nhất về nội dung kiểm tra đánh giá giữa các giáo viên trong nhóm. Có đầy đủ hồ sơ kiểm tra đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ trong từng năm học đảm bảo tính khách quan trong công tác đánh giá học sinh [H5-5.1-04].

Mức 2:

a) Trường đã thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục của năm học. Các tổ, nhóm chuyên môn đã thống nhất việc lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh trong các buổi sinh hoạt của tổ, nhóm chuyên môn [H1-1.4-04], [H1-1.4-05], [H1-1.8-03], [H1-1.8-04].

b) Trường có kế hoạch phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu để tạo nguồn học sinh giỏi cho trường [H5-5.1-05], [H5-5.1-06]. Hằng năm, trường đều có học sinh giỏi cấp Quận và cấp Thành phố. Trường có kế hoạch phân công giáo viên bộ môn phụ đạo học sinh yếu gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện để nâng chất lượng giáo dục [H5-5.1-07], [H5-5.1-09].

Mức 3:

Hằng năm, vào cuối học kỳ I và cuối năm học, phó hiệu trưởng và tổ, nhóm trưởng chuyên môn rà soát, phân tích, đánh giá về việc thực hiện kế hoạch giảng dạy và học tập, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các chuyên đề và các giải pháp, sáng kiến qua các cuộc họp sinh hoạt chuyên môn định kỳ của trường, tổ nhóm chuyên môn. Từ đó, hiệu trưởng có kế hoạch điều chỉnh, bổ sung cho các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học của giáo viên, học sinh [H1-1.1-07]; [H1-1.4-05]; [H5-5.1-12]

2. Điểm mạnh

Đảm bảo kế hoạch thời gian năm học và kế hoạch giảng dạy đúng chương trình hiện hành và chương trình giáo dục 2018 các môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

3. Điểm yếu

Theo chương trình giáo dục phổ thông 2018, giáo viên môn Lịch sử - Địa lý, giáo viên môn Khoa học tự nhiên mặc dù đã tham gia đào tạo, tập huấn chương trình mới nhưng chưa thể thuần thục, nhạy bén. Do đó cũng cần đầu tư, nghiên cứu thêm để đáp ứng đúng lớp cho 2 môn mới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, cán bộ quản lý nhà trường có kế hoạch phân công các giáo viên trong tổ, nhóm Lịch sử-Địa lý, nhóm môn Khoa học tự nhiên hỗ trợ, học tập kinh nghiệm nghiên cứu nâng cao chất lượng chuyên môn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu năm học, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn dựa vào kết quả của năm học trước và điểm đầu vào học sinh lớp 6 để rà soát, phân loại học sinh để có các biện pháp giúp đỡ học sinh vươn lên trong học tập và bên cạnh đó cũng tìm hiểu học sinh có năng khiếu trong học tập, hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ để chọn vào các lớp để bồi dưỡng nhằm giúp các em phát huy những tố chất, năng khiếu sẵn có. Từ đó, trường lập kế hoạch phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi và các lớp năng khiếu dành cho thể dục thể thao, văn nghệ. Bên cạnh đó, trường lập danh sách những học sinh có hoàn cảnh khó khăn thuộc hộ nghèo và cận nghèo để có chế độ miễn, giảm học phí và các khoản khác [H2-2.4-05], [H5-5.1-05], [H5-5.1-06], [H5-5.1-07].

b) Nhà trường có kế hoạch tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, phân công giáo viên có năng lực phụ trách các đội tuyển từ trong hè nên hằng năm đều có học sinh đạt học sinh giỏi cấp quận và cấp thành phố. Bên cạnh đó tổ chức phụ đạo học sinh yếu, kém căn cứ vào kết quả báo điểm qua các đợt, giáo viên chủ nhiệm phối hợp cùng giáo viên bộ môn và phụ huynh học sinh có nhiều biện

pháp tích cực nâng cao chất lượng học tập của học sinh yếu, kém. Tuy nhiên vẫn còn một số ít học sinh yếu kém, thiếu ý thức vươn lên trong học tập, gia đình chưa quan tâm việc học của con em nên tỉ lệ yếu kém vẫn còn [H5-5.1-05], [H5-5.1-06], [H5-5.1-07], [H5-5.2-02].

c) Hằng năm, sau mỗi đợt kiểm tra định kỳ phó hiệu trưởng chuyên môn đều có xử lý thống kê để tìm ra những tồn tại về công tác dạy và học để chỉ đạo các tổ chuyên môn thực hiện kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy [H1-1.1-06], [H5-5.1-06], [H5-5.2-04], [H5-5.2-05]. Hằng năm, phó hiệu trưởng phụ trách công tác học sinh và nhân viên học vụ đều rà soát học sinh có hoàn cảnh khó khăn để nhận học bổng khuyến học; học sinh giỏi năng khiếu, học sinh khuyết tật học hòa nhập gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện có tiến bộ để khen thưởng, động viên [H5-5.2-05], [H5-5.2-06].

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn đã khắc phục được khó khăn vươn lên trong học tập. Học sinh khuyết tật học hòa nhập của trường được tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục. Học sinh đều học đầy đủ các môn học và đạt kết quả học tập từ trung bình trở lên [H1-1.1-08], [H1-1.5-03], [H5-5.2-06], [H5-5.2-07].

Mức 3:

Trường có học sinh giỏi môn văn hóa đạt các giải cao cấp Quận và thành phố. Các giải phong trào “học sinh giỏi máy tính cầm tay”, “Văn hay chữ tốt”, “Lớn lên cùng sách”, “Khéo tay kỹ thuật”, Thể dục thể thao, “Nét vẽ xanh” đều đạt giải cấp Quận và cấp Thành phố [H5-5.1-09], [H5-5.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường hằng năm đều có kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi được duy trì hằng năm và đều có học sinh đạt giải tại các kỳ thi học sinh giỏi, năng khiếu cấp Quận, cấp Thành phố.

3. Điểm yếu

Nhà trường vẫn còn một số học sinh học lực yếu, chưa tiến bộ mặc dù giáo viên đã tích cực phụ đạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 – 2024 và những năm kế tiếp, cán bộ quản lý nhà trường và Công đoàn có kế hoạch thi đua nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm cho giáo viên trong việc phụ đạo học sinh yếu kém; phân loại đối tượng học sinh để dạy cho sát từng đối tượng, kết hợp giữa gia đình và nhà trường giáo dục học sinh tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Từ năm học 2021 – 2022, hiệu trưởng đã xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường có các nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Phó hiệu trưởng đã phân công giáo viên giảng dạy nội dung giáo dục địa phương theo kế hoạch từng năm học các khối: khối 6, 7 theo chương trình giáo dục Phổ thông 2018. Đối với khối 8 và 9 thực hiện đầy đủ các nội dung giáo dục địa phương theo quy định tại Công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các môn Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân, Ngữ văn, Công nghệ, Thể dục, Mỹ thuật và Âm nhạc góp phần đảm bảo mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn cuộc sống. Qua đó, giúp các em hiểu

biết thêm về đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương, bồi dưỡng tình cảm và niềm tự hào của các em đối với quê hương thông qua tổ chức tham quan kết hợp học tập ngoại khóa chương trình giáo dục địa phương. Tuy nhiên, là môn học mới giáo viên đảm nhiệm chưa được đào tạo bài bản, phần lớn nhà trường phải phân công chéo môn và giáo viên phải tự nghiên cứu bài học để giảng dạy [H5-5.3-01], [H5-5.3-02], [H5-5.3-03].

b) Việc kiểm tra, đánh giá các nội dung giáo dục địa phương được thực hiện theo phân phối chương trình và kế hoạch của tổ nhóm chuyên môn. Học sinh được kiểm tra, đánh giá bằng hình thức bài kiểm tra trên lớp hoặc bài thu hoạch qua hoạt động trải nghiệm thực tế [H5-5.3-02], [H5-5.3-03].

c) Hằng năm, các tổ trưởng ở các bộ môn có rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương. Tuy nhiên, việc cập nhật tài liệu nội dung giáo dục địa phương chưa được kịp thời [H5-5.3-01], [H5-5.3-03].

Mức 2:

Trường phối hợp với trường Trung cấp dạy nghề Nhân Đạo Quận 3 để hướng nghiệp học sinh, góp phần thực hiện mục tiêu môn học gắn lý luận với thực tiễn, tạo ra hứng thú, động lực học tập cho học sinh thông qua các môn học [H2-5.3-04]. Việc tổ chức học lịch sử địa phương được nhà trường tổ chức cho học sinh tham quan học tập thực tế tại các di tích lịch sử ở Củ Chi, Ngã Ba Giồng... sau đó học sinh viết bài thu hoạch đã giúp học sinh tiếp thu tốt nội dung giáo dục địa phương [H5-5.3-04], [H5-5.3-07].

2. Điểm mạnh

Trường đã thực hiện tốt nội dung giáo dục địa phương cho học sinh.

3. Điểm yếu

Các tài liệu hỗ trợ, giảng dạy địa phương còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2023-2024 và những năm tiếp theo nhà trường yêu cầu giáo viên tìm hiểu các tư liệu chính thống để cập nhật bổ sung trong tài liệu giáo dục địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu năm học, trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp dưới hình thức tham quan hướng nghiệp được tổ chức 01 lần/ năm và nhiều hoạt động tư vấn, hướng nghiệp tại trường theo quy định và phù hợp với điều kiện thực tế của trường đối với khối lớp 8 và 9. Đối với khối lớp 6, 7 hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức thành 03 tiết/ tuần theo chương trình Phổ thông 2018 gồm: 01 tiết hoạt động dưới sân cờ, 01 tiết hoạt động tại lớp với giáo viên chủ nhiệm và 01 tiết hoạt động theo chủ đề có hình thức đa dạng (thực hiện trên lớp, ngoài lớp hoặc ngoài nhà trường). [H5-5.4-01], [H5-5.4-02].

b) Trường đã tổ chức được các hoạt động trải nghiệm bộ môn Sinh học tại khu sinh thái Về Quê ở Củ Chi cho học sinh, tổ chức hướng nghiệp tại nhà máy sữa Yakul cho học sinh khối 9... Giáo viên chủ nhiệm khối 9 đã tổ chức tốt hoạt động trải nghiệm kết hợp với hướng nghiệp giúp học sinh tìm hiểu, mở rộng thêm kiến thức bộ môn; bước đầu định hướng nghề nghiệp; giáo dục tình yêu quê hương đất nước, tự hào dân tộc qua cảnh đẹp của quê hương đất nước, di

tích lịch sử; rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh [H5-5.4-03], [H5-5.4-04], [H5-5.4-05], [H5-5.4-06].

c) Nhà trường đã phân công cụ thể ban tổ chức gồm cán bộ quản lý, bí thư chi đoàn, tổng phụ trách và huy động giáo viên chủ nhiệm lớp cùng nhân viên y tế trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp đảm bảo an toàn cho học sinh trong các hoạt động [H5-5.4-05].

Mức 2:

a) Nhà trường có tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, dạy học định hướng STEM, hoạt động hướng nghiệp với nhiều hình thức phong phú, phù hợp học sinh như làm mô hình tên lửa nước trong giờ ra chơi sáng tạo...qua đó giúp học sinh có nhiều trải nghiệm tích cực. Học sinh biết được nhiều truyền thống lịch sử, di tích văn hóa dân tộc, cảnh đẹp thiên nhiên của quê hương đất nước, rèn được những kỹ năng trong cuộc sống... và bước đầu định hướng được một số ngành nghề cho học sinh. Tuy nhiên việc tổ chức hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường vẫn còn một số ít học sinh chưa tham gia [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02], [H5-5.4-06].

b) Sau mỗi hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, hiệu trưởng rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức cho học sinh trong các buổi họp tổ trưởng chuyên môn, họp chủ nhiệm hay trong cuộc họp hội đồng sư phạm để rút kinh nghiệm trong các lần tổ chức sau đảm bảo an toàn, hiệu quả hơn [H5-5.4-06].

2. Điểm mạnh

Mỗi năm học, trường có kế hoạch và tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Học sinh tham gia tích cực các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

3. Điểm yếu

Việc tổ chức hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường còn một số ít học sinh chưa tham gia.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch tổ chức và chỉ đạo cho giáo viên chủ nhiệm tăng cường truyền thông với phụ huynh những

học sinh về lợi ích của các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp đồng thời đa dạng các hình thức tổ chức để huy động nhiều hơn nữa các học sinh tham gia.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm nhà trường đều có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh nhằm hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương qua hoạt động ngoài giờ lên lớp, qua chương trình kỹ năng sống được tổ chức dưới sân trong giờ chào cờ [H5-5.5-01], [H5-5.5-02], [H5-5.5-03], [H5-5.5-05].

b) Trường đã tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp theo quy định 1 tháng 2 lần, kết hợp với mời báo cáo viên thực hiện các chuyên đề về kỹ năng sống cho học sinh vào các tiết chào cờ. Bên cạnh đó, thông qua các giờ chính khóa và

ngoại khóa học sinh được tìm hiểu về truyền thống của nhà trường; được truyền thông về sức khỏe, giới tính, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, tìm hiểu về pháp luật, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy...và những kỹ năng trong cuộc sống. Qua đó rèn luyện cho học sinh ý thức thực hiện nề nếp, nội quy của trường, quy tắc ứng xử, biết lễ phép với thầy cô giáo và nhân viên của trường. Học sinh biết kỹ năng phòng chống dịch bệnh, chấp hành tốt việc đội mũ bảo hiểm, chấp hành luật giao thông. Qua các chuyên đề rèn kỹ năng sống hình thành cho học sinh kỹ năng đoàn kết, tinh thần tập thể làm việc nhóm; kỹ năng phòng tránh bạo lực, xâm hại, bắt cóc... [H5-5.5-03], [H5-5.5-04], [H5-5.5-05]. Từ quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh, học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục.

c) Đạo đức, lối sống của học sinh trường từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam được đánh giá tốt thể hiện qua kết quả hạnh kiểm của học sinh hằng năm đạt 100% trên trung bình, không có hạnh kiểm yếu [H5-5.1-09].

Mức 2:

a) Đầu năm học nhà trường đã tổ chức cho giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn hướng dẫn cho học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện để học sinh nắm được phương pháp học tập và rèn tính tự giác chủ động trong học tập [H5-5.1-09].

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh trường từng bước hình thành và phát triển qua việc học sinh vận dụng kiến thức của các bộ môn vào đời sống và qua các cuộc thi nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên vẫn còn số ít học sinh chưa mạnh dạn tham gia các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường, kỹ năng sống do đặc trưng tính e dè, nhút nhát...[H5-5.1-09], [H5-5.5-06], [H5-5.5-07].

Mức 3:

Từ năm 2016, trường đã tổ chức câu lạc bộ khoa học kỹ thuật STEM. Bước đầu học sinh được nghiên cứu khoa học, công nghệ theo sự hướng dẫn của giáo

viên của trường đã làm được những sản phẩm tham gia dự thi ứng dụng, nghiên cứu khoa học do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 tổ chức [H5-5.5-06]; [H5-5.5-07]; [H5-5.5-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tổ chức được các hoạt động ngoài giờ lên lớp và các chuyên đề rèn luyện kỹ năng sống thường xuyên đã góp phần giáo dục đạo đức học sinh.

3. Điểm yếu

Còn số ít học sinh chưa mạnh dạn tham gia các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường, kỹ năng sống do đặc trưng tính e dè, nhút nhát...

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường sẽ có kế hoạch tổ chức các chuyên đề và tăng cường liên kết với công ty dạy kỹ năng sống để dạy và rèn kỹ năng sống cho học sinh; đồng thời duy trì tổ chức câu lạc bộ STEM.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. Chỉ tiêu học lực của trường 90% trung bình trở lên. Từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2022-2023 tỷ lệ học lực của học sinh đạt trên 96% trung bình trở lên, trong đó có năm 2019-2020 đạt 99,8% trung bình trở lên. Chỉ tiêu hạnh kiểm của trường 95% trung bình trở lên. Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023 đạt 100% trung bình trở lên [H5-5.1-09].

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. Chỉ tiêu tỷ lệ học sinh lên lớp của trường 90% trở lên. Từ năm học 2018 -2019 đến năm học 2022-2023 tỷ lệ học sinh lên lớp đạt 96% trở lên, trong đó có năm 2020-2021 đạt 98,9%. Chỉ tiêu tỷ lệ học sinh tốt nghiệp của trường 100%. Năm học 2019-2020 đến năm học 2022-2023 tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở luôn đạt chỉ tiêu 100%, trừ năm học 2018-2019 tỉ lệ tốt nghiệp đạt 98,3% [H1-1.2-13]; [H5-5.6-01].

c) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch hướng nghiệp nghề, định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của trường. Trường đã tư vấn cho học sinh học nghề tại các trường Trung cấp nghề như Trung cấp nghề Nhân Đạo, Trung cấp nghề Hùng Vương..., hoặc tiếp tục học lớp 10 ở các trường Giáo dục thường xuyên và các trường dân lập sau khi trượt nguyện vọng tuyển sinh lớp 10 [H5-5.4-01], [H5-5.6-03].

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh của trường có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp về tỷ lệ học sinh xếp loại yếu kém. Năm 2018, tỷ lệ học sinh xếp loại học lực yếu kém 3,22% đến năm 2023 tỷ lệ yếu kém giảm còn 0,19% [H5-5.1-09], [H5-5.6-03].

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực từ năm 2018 đến năm 2023. Tỷ lệ học sinh lên lớp, năm học 2018-2019 đạt 98,2%, năm học 2018-2019 đạt 96,8%, năm học 2019-2020 đạt 98,6%, năm học 2020-2021 đạt 98,9%, năm học 2021-2022 đạt 98,5%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp, từ năm học

2017-2018 đến năm học 2021-2022 đạt 100%, trừ năm học 2018-2019 tỉ lệ tốt nghiệp đạt 98,3% [H5-5.1-09].

Mức 3:

Trường trung học cơ sở Colette, tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường 2018 đến năm 2023 đạt từ 41,6% đến 51,4% [H5-5.1-09]

Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường từ năm 2018 đến 2023 đạt từ 38,70% đến 35,50% [H5-5.1-09]

Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường năm 2018 chiếm 3,22% đến năm 2023 chỉ còn 0,19% [H5-5.1-09] so với nội hàm không vượt quá 05%.

Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt của trường từ năm 2018 đến 2023 đạt từ 99,90% đến 100% [H5-5.1-09]

Tỷ lệ học sinh bỏ học của trường từ năm 2018 đến 2023 không có năm học nào quá 01%. Tỷ lệ học sinh lưu ban của trường không quá 02% [H5-5.1-09], [H5-5.6-02].

2. Điểm mạnh

Trường đã thực hiện được cơ bản kế hoạch giáo dục của từng năm học. Trường giữ vững tỷ lệ học sinh lên lớp và tỷ lệ tốt nghiệp cao. Không có trường hợp học sinh bỏ học.

3. Điểm yếu

Nhà trường vẫn có năm tỉ lệ học sinh lớp 9 tốt nghiệp trung học cơ sở chưa đạt 100%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo phó hiệu trưởng chuyên môn sẽ phân công cho giáo viên bộ môn tăng cường công tác phụ đạo học sinh yếu, kém để phấn đấu 100% học sinh lớp 9 tốt nghiệp Trung học cơ sở.

Phối hợp chặt chẽ với gia đình để có hướng giúp đỡ học sinh yếu, kém trong học tập nhằm từng bước hạ thấp tỉ lệ học sinh yếu, kém.

Năm 2023-2024 trường tiếp tục phấn đấu duy trì tỷ lệ yếu kém không vượt quá 0,5%.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 5:

- Điểm mạnh nổi bật:

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở hằng năm ổn định đạt 100%.
- Hiệu suất đào tạo hằng năm cao (trên 90%).
- Tham gia tích cực các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, giáo dục kỹ năng sống do cấp trên phát động.
- Công tác giáo dục nghề phổ thông và giáo dục hướng nghiệp thực hiện tốt.

- Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường vẫn có năm tỉ lệ học sinh lớp 9 tốt nghiệp trung học cơ sở chưa đạt 100%.

- Số lượng các tiêu chí đạt, không đạt

- + Mức 1: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06. Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.
- + Mức 2: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06. Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.
- + Mức 3: Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/04. Số lượng các tiêu chí không đạt yêu cầu: 01/04.

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Báo cáo tự đánh giá của trường Trung học cơ sở Colette được hoàn thành phản ánh kết quả toàn diện các mặt hoạt động của nhà trường, giúp nhà trường đề ra chiến lược phát triển, xác định tầm nhìn, đánh giá công tác quản lý và tổ chức hoạt động của nhà trường. Qua đó đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, thực hiện các chương trình hoạt động giáo dục và công tác quản lý tài chính, cơ sở vật chất, sự phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ học sinh. Kết quả giáo dục học sinh là tiêu chuẩn phản ánh chính xác, khách quan nhất về chất lượng hai mặt giáo dục của nhà trường. Trong những năm qua, tỉ

lệ học sinh giỏi, học sinh tiên tiến của trường tăng đều, tỉ lệ học sinh yếu kém giảm, đặc biệt là số lượng học sinh giỏi cấp quận, cấp thành phố luôn duy trì ở mức ổn định và phát triển.

Đối chiếu với kết quả về hoạt động giáo dục của nhà trường đã đạt được trong vòng từ 03 đến 05 năm qua với Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018 và tự đánh giá nhà trường đạt được kết quả như sau:

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt 28/28 tiêu chí, đạt tỉ lệ: 100%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/28 tiêu chí, đạt tỉ lệ: 0%;

- Mức 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt 26/28 tiêu chí, đạt tỉ lệ: 92,86%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 02/28 tiêu chí, đạt tỉ lệ: 7,14%;

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt 07/20 tiêu chí, đạt tỉ lệ: 35%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 13/20 tiêu chí, đạt tỉ lệ: 65%.

- Mức đánh giá của Trường Trung học cơ sở Colette: Mức 1.

Trường Trung học cơ sở Colette đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Lưu Thị Hà Phương

Phần IV- PHỤ LỤC
DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	1	H1-1.1-01	Văn bản chiến lược phát triển nhà trường	Năm 2020-2025	Hiệu trưởng	
	2	H1-1.1-02	Nghị quyết Đại hội cán bộ các cấp về định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của ngành	Năm 2017 đến năm 2022	UBND các cấp	
	3	H1-1.1-03	Quyết định thành lập hội đồng trường	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	4	H1-1.1-04	Sổ nghị quyết của Hội đồng trường	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	5	H1-1.1-05	Trang thông tin điện tử của trường	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Cán bộ phụ trách	
	6	H1-1.1-06	Báo cáo sơ kết, tổng kết hằng năm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020	Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023		
	7	H1-1.1-07	Báo cáo, biên bản có nội dung rà soát bổ sung, điều chỉnh, phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022	Hiệu trưởng	
	8	H1-1.1-08	Biên bản họp Cha mẹ học sinh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.2	1	H1-1.2-01	Quyết định thành lập Hội đồng trường	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hội đồng trường	
	2	H1-1.2-02	Quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hội đồng thi đua khen thưởng	
	4	H1-1.2-03	Quyết định thành lập Hội đồng Tư vấn khác: Hội đồng Tuyển sinh, Hội đồng xét Tốt nghiệp Trung học cơ sở, Hội đồng xét sáng kiến.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hội đồng Tuyển sinh, hội đồng xét TNTHCS, hội đồng xét SKKN	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
	5	H1-1.2-04	Quy chế hoạt động của Hội đồng trường, sở họp hội đồng trường	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	6	H1-1.2-05	Quy chế hoạt động của Hội đồng thi đua khen thưởng.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	7	H1-1.2-06	Biên bản họp liên tịch	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	8	H1-1.2-07	Biên bản họp hội đồng sư phạm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	9	H1-1.2-08	Biên bản họp Hội đồng thi đua khen thưởng	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	10	H1-1.2-9	Biên bản họp Hội đồng trường	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023		
	11	H1-1.2-10	Hồ sơ thi đua	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	12	H1-1.2-11	Hồ sơ sáng kiến	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	13	H1-1.2-12	Hồ sơ tuyển sinh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	14	H1-1.2-13	Hồ sơ xét tốt nghiệp trung học cơ sở	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.3	1	H1-1.3-01	Danh sách công đoàn viên, Quyết định chuẩn y Ban chấp hành Công đoàn, Nghị quyết Biên bản đại hội Công đoàn	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022	Chủ tịch công đoàn	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2022 - 2023		
	2	H1-1.3-02	Danh sách chi đoàn, Quyết định chuẩn y Ban chấp hành chi đoàn, Nghị quyết, Biên bản đại hội chi đoàn	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Bí thư chi đoàn	
	3	H1-1.3-03	Danh sách chi đội trưởng các lớp, ban chỉ huy liên đội, Quyết định chuẩn y Liên đội, Nghị quyết, Biên bản đại hội Liên đội trưởng	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Tổng phụ trách Đội	
	4	H1-1.3-04	Kế hoạch hoạt động của Công đoàn. Các văn bản liên quan hoạt động của Công đoàn. Hình ảnh hoạt động của Công đoàn.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Chủ tịch công đoàn	
	5	H1-1.3-05	Kế hoạch hoạt động của Chi đoàn. Các văn bản liên quan hoạt động của Chi đoàn. Hình ảnh hoạt động của Chi đoàn	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Bí thư chi đoàn	
	6	H1-1.3-06	Kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh. Các văn bản liên quan hoạt động của Đội, Hình ảnh hoạt động của Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Tổng phụ trách Đội	
		H1-1.3-07	Biên bản họp công đoàn, Báo cáo sơ	Năm học 2018 - 2019	Chủ tịch công	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
	7		kết, tổng kết kết quả hoạt động công đoàn	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022	đoàn	
	8	H1-1.3-08	Biên bản họp Chi đoàn. Báo cáo sơ kết, tổng kết kết quả hoạt động Chi đoàn	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Bí thư chi đoàn	
	9	H1-1.3-09	Báo cáo sơ kết, tổng kết kết quả hoạt động Đội hằng năm.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Tổng phụ trách Đội	
	10	H1-1.3-10	Hồ sơ Chi bộ. Quyết định chuẩn y cấp ủy Chi bộ Đảng. Quy chế hoạt động của chi bộ. Sổ họp chi bộ	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Bí thư chi bộ	
	11	H1-1.3-11	Quyết định của Đảng ủy Phường Võ Thị Sáu công nhận chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Bí thư chi bộ	
	12	H1-1.3-12	Kết quả xếp loại Công đoàn hằng năm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022	Chủ tịch công đoàn	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2022 - 2023		
	13	H1-1.3-13	Kết quả xếp loại Chi đoàn hằng năm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Bí thư chi đoàn	
	14	H1-1.3-14	Kết quả đánh giá, xếp loại công tác Đội và Tổng phụ trách Đội hằng năm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Tổng phụ trách Đội	
	15	H1-1.3-15	Giấy khen, bằng khen của Công đoàn hằng năm.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Chủ tịch công đoàn	
	16	H1-1.3-16	Giấy khen, bằng khen của Chi đoàn hằng năm.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Bí thư chi đoàn	
	17	H1-1.3-17	Giấy khen, bằng khen của Đội Thiếu niên tiền phong hằng năm.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022	Tổng phụ trách Đội	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2022 - 2023		
Tiêu chí 1.4	1	H1-1.4-01	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	2	H1-1.4-02	Quyết định thành lập tổ chuyên môn. Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	3	H1-1.4-03	Quyết định thành lập tổ văn phòng. Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó văn phòng	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	4	H1-1.4-04	Kế hoạch tổ, nhóm chuyên môn. Kế hoạch tổ văn phòng hằng năm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022	Phó hiệu trưởng	
	5	H1-1.4-05	Biên bản họp tổ, nhóm chuyên môn và tổ văn phòng.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022	Hiệu trưởng	
	6	H1-1.4-06	Biên bản kiểm tra hoạt động tổ chuyên môn	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2021 – 2022		
	7	H1-1.4-07	Biên bản kiểm tra hoạt động Tổ Văn phòng (Thư viện, thiết bị, tài sản, tài chính) hằng năm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Ban kiểm tra nội bộ	
	8	H1-1.4-08	Biên bản đánh giá xếp loại giáo viên theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên hằng năm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	9	H1-1.4-09	Các chuyên đề chuyên môn, biên bản sinh hoạt chuyên đề hằng năm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.5	1	H1-1.5-01	Sổ đăng bộ hằng năm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	2	H1-1.5-02	Danh sách học sinh, Danh sách cán bộ lớp hằng năm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
		H1-1.5-03	Danh sách Giáo viên chủ nhiệm, Sổ	Năm học 2018 - 2019	Phó Hiệu	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
	3		chủ nhiệm, Biên bản bầu Ban cán bộ lớp.	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	trưởng	
	4	H1-1.5-04	Sổ gọi tên và ghi điểm của các lớp học hằng năm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	5	H1-1.5-05	Danh sách học sinh hòa nhập khuyết tật	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.6	1	H1-1.6-01	Sổ quản lý và hồ sơ lưu các văn bản, công văn đi, công văn đến	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	2	H1-1.6-02	Văn bản hiện hành về quản lý, sử dụng tài chính, tài sản	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Văn bản các cấp	
	3	H1-1.6-03	Dự toán, thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Kế toán	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023		
	4	H1-1.6-04	Báo cáo thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Kế toán	
	5	H1-1.6-05	Biên bản kiểm tra tài chính, tài sản	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Kế toán	
	6	H1-1.6-06	Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Kế toán	
	7	H1-1.6-07	Kế hoạch quản lý, sử dụng tài chính, tài sản	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Kế toán	
	8	H1-1.6-08	Sổ quản lý tài sản	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Kế toán	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
	9	H1-1.6-09	Phần mềm quản lý hành chính, tài chính và tài sản của trường	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Kế toán	
	10	H1-1.6-10	Biên bản Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm			
Tiêu chí 1.7	1	H1-1.7-01	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ hằng năm.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	2	H1-1.7-02	Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	3	H1-1.7-03	Bảng Phân công tổ chuyên môn, tổ văn phòng hằng năm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	4	H1-1.7-04	Hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022	Phó Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2022 - 2023		
	5	H1-1.7-05	Hồ sơ kiểm tra, đánh giá nhân viên	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Tổ trưởng văn phòng	
	6	H1-1.7-06	Quy chế đào tạo bồi dưỡng chuyên môn	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	7	H1-1.7-07	Bảng nhận chế độ lương và các phụ cấp khác	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Kế toán	
	8	H1-1.7-08	Hợp đồng khám sức khỏe cho cán bộ, viên chức	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Kế toán	
	9	H1-1.7-09	Danh sách tham gia bồi dưỡng chứng chỉ chức danh nghề nghiệp, bồi dưỡng thường xuyên	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.8	1	H1-1.8-01	Thời khóa biểu, phân công chuyên	Năm học 2018 - 2019	Phó Hiệu	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
			môn	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	trưởng	
	2	H1-1.8-02	Kế hoạch giáo dục	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	3	H1-1.8-03	Kế hoạch giảng dạy của giáo viên	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	4	H1-1.8-04	Sổ ghi đầu bài	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	5	H1-1.8-05	Biên bản kiểm tra của Phòng Giáo dục và Đào tạo có nội dung quản lý các hoạt động giáo dục	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.9	1	H1-1.9-01	Biên bản hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023		
	2	H1-1.9-02	Biên bản giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	3	H1-1.9-03	Hồ sơ tiếp công dân	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	4	H1-1.9-04	Báo cáo thực hiện công khai chất lượng giáo dục hằng năm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	5	H1-1.9-05	Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân, Báo cáo của Công đoàn	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Chủ tịch công đoàn	
	6	H1-1.9-06	Quy chế dân chủ, Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ hằng năm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
	7	H1-1.9-07	Bảng công khai các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.10	1	H1-1.10-01	Phương án đảm bảo an ninh trật tự trường học.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	2	H1-1.10-02	Kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	3	H1-1.10-03	Kế hoạch an toàn phòng chống cháy nổ, thiên tai	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	4	H1-1.10-04	Kế hoạch phòng chống các tệ nạn, bạo lực học đường	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	5	H1-1.10-05	Kế hoạch vệ sinh an toàn thực phẩm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023		
	6	H1-1.10-06	Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	7	H1-1.10-07	Hộp thư góp ý, số điện thoại đường dây nóng của trường	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	8	H1-1.10-08	Kế hoạch phối hợp đảm bảo an ninh trật tự	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	9	H1-1.10-09	Sổ theo dõi kỷ luật học sinh (Hồ sơ giám thị)	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	10	H1-1.10-10	Các chuyên đề, bài viết tuyên truyền về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực, xâm hại.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022	Phó Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2022 - 2023		
	11	H1-1.10-11	Giấy chứng nhận đơn vị văn hóa	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 2.1	1	H2-2.1-01	Hồ sơ nhân sự Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	2	H2-2.1-02	Kết quả về đánh giá , xếp loại Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	3	H2-2.1-03	Giấy chứng nhận bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	4	H2-2.1-04	Kết quả công nhận sáng kiến cấp trường và cấp quận	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	5	H2-2.1-05	Biên bản góp ý Ban giám hiệu	Năm học 2018 - 2019	Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023		
Tiêu chí 2.2	1	H2-2.2-01	Danh sách giáo viên có thông tin về trình độ đào tạo	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	2	H2-2.2-02	Hồ sơ nhân sự giáo viên	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	3	H2-2.2-03	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp hằng năm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	4	H2-2.2-04	Kết quả phân loại viên chức hằng năm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	5	H2-2.2-05	Giấy khen của Phòng giáo dục, Sở giáo dục về nghiên cứu khoa học, hội thi khoa học và đời sống.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023		
Tiêu chí 2.3	1	H2-2.3-01	Danh sách nhân viên của trường có thông tin về trình độ và nghiệp vụ	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Tổ trưởng văn phòng	
	2	H2-2.3-02	Quyết định điều động viên chức làm công tác Thiết bị, Thư viện, Kế toán, Thủ quỹ, Y tế, Học vụ.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	3	H2-2.3-03	Quyết định điều động giáo viên làm công tác kiêm nhiệm phụ trách Phòng Thực hành Thí nghiệm Lý, Hóa, Sinh.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	4	H2-2.3-04	Danh sách nhân viên, giáo viên phụ trách phòng Thiết bị, phòng thực hành thí nghiệm hằng năm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	5	H2-2.3-05	Hồ sơ kiểm tra, đánh giá nhân viên	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Tổ trưởng văn phòng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
	6	H2-2.3-06	Danh sách đánh giá, xếp loại nhân viên hằng năm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Tổ trưởng văn phòng	
	7	H2-2.3-07	Chứng nhận, chứng chỉ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 2.4	1	H2-2.4-01	Nội quy học sinh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	2	H2-2.4-02	Hình ảnh hoạt động của học sinh tham gia các hoạt động tập thể, trường, lớp; của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; của Đoàn Thanh niên; tham gia các hoạt động xã hội.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	3	H2-2.4-03	Hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh các năm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Nhân viên phụ trách	
	4	H2-2.4-04	Hồ sơ khuyến học	Năm học 2018 - 2019	Phó Hiệu	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	trưởng	
	5	H2-2.4-05	Hồ sơ miễn, giảm học phí hằng năm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Kế toán	
	6	H2-2.4-06	Hồ sơ kỷ luật	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	7	H2-2.4-07	Các minh chứng liên quan đến tư vấn tâm lý cho học sinh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	8	H2-2.4-08	Quyết định khen thưởng học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 3.1	1	H3-3.1-01	Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất của nhà trường	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023		
	2	H3-3.1-02	Hồ sơ thiết kế xây dựng trường	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	3	H3-3.1-03	Sơ đồ tổng thể và từng khu của nhà trường	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	4	H3-3.1-04	Ảnh khuôn viên toàn trường	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	5	H3-3.1-05	Ảnh cổng, biển trường, hàng rào	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	6	H3-3.1-06	Ảnh sân chơi	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
	7	H3-3.1-07	Danh mục các thiết bị luyện tập thể dục, thể thao của trường.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	8	H3-3.1-08	Sổ quản lý tài sản	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Kế toán	
Tiêu chí 3.2	1	H3-3.2-01	Sơ các phòng đồ học	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	2	H3-3.2-02	Hình ảnh phòng học, bàn ghế, bảng, đèn, quạt	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	3	H3-3.2-03	Biên bản kiểm tra tài sản, cơ sở vật chất	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Kế toán	
	4	H3-3.2-04	Hình ảnh phòng học bộ môn (Phòng Thực hành thí nghiệm Lý Hóa Sinh,	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
			phòng Tin học)	Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023		
	5	H3-3.2-05	Hình ảnh phòng Truyền thống, phòng Thư viện, phòng Đoàn Đội	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	6	H3-3.2-06	Hình ảnh hoạt động phòng truyền thống, thư viện, phòng Đoàn Đội	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 3.3	1	H3-3.3-01	Hình ảnh chụp các phòng Khối hành chính quản trị của nhà trường	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	2	H3-3.3-02	Kế hoạch sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính- quản trị	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	3	H3-3.3-03	Ảnh chụp khu nhà để của cho giáo viên và học sinh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022	Phó Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2022 - 2023		
	4	H3-3.3-04	Hồ sơ, hóa đơn sửa chữa bổ sung các Thiết bị khôi phục hành chính - quản trị của nhà trường.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Kế toán	
	5	H3-3.3-05	Ảnh chụp Căn tin, Khu bếp và Nhà ăn Bán trú		Phó Hiệu trưởng	
	6	H3-3.3-06	Các biên bản kiểm tra vệ sinh, an toàn thực phẩm của căn tin và công tác bán trú	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	7	H3-3.3-07	Các biên bản đánh giá của cấp có thẩm quyền về kiểm tra Thư viện, thiết bị	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	8	H3-3.3-08	Các biên bản đánh giá của cấp có thẩm quyền về kiểm tra Y tế.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Cán bộ phụ trách	
Tiêu chí 3.4	1	H3-3.4-01	Sơ đồ khu nhà vệ sinh của trường	Năm học 2018 - 2019	Phó Hiệu	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	trưởng	
	2	H3-3.4-02	Ảnh chụp khu vệ sinh nam, nữ của giáo viên và học sinh (bên trong, cửa, tổng thể)	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	3	H3-3.4-03	Giấy chứng nhận nguồn nước sạch của Ngành y tế	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Cán bộ phụ trách	
	4	H3-3.4-04	Biên bản kiểm tra y tế về nước sạch	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Cán bộ phụ trách	
	5	H3-3.4-05	Hợp đồng cung cấp nước uống	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Kế toán	
	6	H3-3.4-06	Hợp đồng thu gom và vận chuyển rác	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Kế toán	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023		
	7	H3-3.4-07	Hóa đơn thu tiền nước hàng tháng	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Kế toán	
	8	H3-3.4-08	Hình ảnh phân loại rác thải tại trường, tại phòng y tế.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 3.5	1	H3-3.5-01	Thống kê danh mục thiết bị, đồ dùng của nhà trường.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Kế toán	
	2	H3-3.5-02	Biên bản kiểm tra của cấp có thẩm quyền có nội dung về thiết bị	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Cán bộ phụ trách	
	3	H3-3.5-03	Bảng thống kê các thiết bị sửa chữa hằng năm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Kế toán	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023		
	4	H3-3.5-04	Kế hoạch thiết bị Sổ sách chứng từ, hóa đơn chi cho sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng và Thiết bị dạy học của trường	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Kế toán	
	5	H3-3.5-05	Hợp đồng kết nối mạng	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Kế toán	
	6	H3-3.5-06	Hóa đơn thanh toán tiền Internet của trường	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Kế toán	
	7	H3-3.5-07	Danh mục Đồ dùng dạy học do giáo viên tự làm hằng năm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Cán bộ phụ trách	
	8	H3-3.5-08	Sổ quản lý tài sản, thiết bị các phòng thực hành thí nghiệm Lý Hóa Sinh.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Cán bộ phụ trách	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
	9	H3-3.5-09	Hình ảnh Giáo viên dạy học trên máy chiếu, Ti vi	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	
	10	H3-3.5-10	Sổ mượn Đồ dùng dạy học	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Cán bộ phụ trách	
	11	H3-3.5-11	Sổ dự giờ của Ban giám hiệu, của Tổ trưởng, Nhóm trưởng chuyên môn	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 3.6	1	H3-3.6-01	Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục của Thư viện	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Cán bộ phụ trách	
	2	H3-3.6-02	Danh mục các loại sách báo, tài liệu ...của Thư viện	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Cán bộ phụ trách	
		H3-3.6-03	Kế hoạch hoạt động của Thư viện	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020	Cán bộ phụ trách	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
	3			Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023		
	4	H3-3.6-04	Sổ theo dõi việc cho mượn sách	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Cán bộ phụ trách	
	5	H3-3.6-05	Các chuyên đề kết hợp với các bộ môn	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Cán bộ phụ trách	
	6	H3-3.6-06	Hình ảnh hoạt động của Thư viện	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Cán bộ phụ trách	
	7	H3-3.6-07	Danh mục các loại sách báo, tài liệu được mua sắm, bổ sung hằng năm.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Cán bộ phụ trách	
	8	H3-3.6-08	Sổ sách, chứng từ, hóa đơn chi cho mua sắm, bổ sung sách báo, tài liệu	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022	Cán bộ phụ trách	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2022 – 2023		
	9	H3-3.6-09	Biên bản kiểm tra của các cơ quan có chức năng về Thư viện	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Cán bộ phụ trách	
	10	H3-3.6-10	Hồ sơ quản lý Thư viện	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Cán bộ phụ trách	
	11	H3-3.6-11	Báo cáo sơ kết, tổng kết của Thư viện	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Cán bộ phụ trách	
	12	H3-3.6-12	Quyết định công nhận Thư viện trường	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 – 2023	Cán bộ phụ trách	
Tiêu chí 4.1	1	H4-4.1-01	Hồ sơ Hội nghị Cha mẹ học sinh đầu năm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
		H4-4.1-02	Danh sách Ban đại diện Cha mẹ học	Năm học 2018 - 2019	Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
	2		sinh của mỗi lớp và nhà trường	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023		
	3	H4-4.1-03	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	4	H4-4.1-04	Báo cáo hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	5	H4-4.1-05	Các biên bản họp cha mẹ học sinh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	6	H4-4.1-06	Văn bản liên quan huy động và vận động học sinh bỏ học đến trường	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	7	H4-4.1-07	Biên bản họp Ban đại diện cha mẹ học sinh và nhà trường.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023		
Tiêu chí 4.2	1	H4-4.2-01	Các văn bản phối hợp của nhà trường với địa phương	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	2	H4-4.2-02	Quy chế phối hợp hoạt động giữa công an phường và nhà trường	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	3	H4-4.2-03	Quy chế phối hợp hoạt động giữa nhà trường và Đoàn Thanh niên Phường Võ Thị Sáu	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	4	H4-4.2-04	Văn bản, hình ảnh, tư liệu có liên quan	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Bí thư chi đoàn	
	5	H4-4.2-05	Kế hoạch vận động và sử dụng nguồn tài trợ giáo dục	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
	6	H4-4.2-06	Chứng từ, Danh sách các mạnh thường quân tài trợ giáo dục	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Kế toán	
	7	H4-4.2-07	Báo cáo sơ kết, tổng kết sử dụng nguồn tài trợ giáo dục	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Kế toán	
	8	H4-4.2-08	Các văn bản của trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để tạo điều kiện cho trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Hiệu trưởng	
	9	H4-4.2-09	Các báo cáo liên quan về việc phối hợp tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, pháp luật..	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	10	H4-4.2-10	Các hình ảnh, tư liệu về hoạt động lễ hội, sự kiện...	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
		H4-4.2-11	Văn bản , hình ảnh liên qua đến chăm sóc di tích lịch sử, công trình	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020	Bí thư chi đoàn	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
	11		văn hóa, chăm sóc gia đình có công cách mạng, bà mẹ Việt Nam anh hùng	Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023		
Tiêu chí 5.1	1	H5-5.1-01	Kế hoạch bài dạy (giáo án)	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Cán bộ phụ trách	
	2	H5-5.1-02	Hình ảnh, clip...minh chứng của các chuyên đề Tổ, nhóm về đổi mới PP dạy học	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Cán bộ phụ trách	
	3	H5-5.1-03	Sổ đầu bài	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	4	H5-5.1-04	Quy chế kiểm tra đánh giá, kế hoạch tổ chức kiểm tra định kỳ	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	5	H5-5.1-05	Kế hoạch Bồi dưỡng học sinh giỏi	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022	Phó Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2022 - 2023		
	6	H5-5.1-06	Bảng tổng hợp kết quả bồi dưỡng học sinh giỏi	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	7	H5-5.1-07	Kế hoạch phụ đạo học sinh yếu	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	8	H5-5.1-08	Hình ảnh hoạt động Stem	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	9	H5-5.1-09	Các báo cáo chuyên đề, sáng kiến kinh nghiệm	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	10	H5-5.1-10	Thống kê chất lượng học sinh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.2		H5-5.2-01	Báo cáo bộ môn.	Năm học 2018 - 2019	Kế toán	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
	1			Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023		
	2	H5-5.2-02	Danh sách học sinh yếu	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	3	H5-5.2-03	Biên bản họp Cha mẹ học sinh của Nhà trường, của giáo viên chủ nhiệm giúp đỡ học sinh khó khăn trong học tập và rèn luyện	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	4	H5-5.2-04	Danh sách khen thưởng học sinh nghèo vượt khó, nhận học bổng khuyến học hằng năm.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	5	H5-5.2-05	Danh sách Khen thưởng học sinh đạt học sinh giỏi, năng khiếu.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 – 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	6	H5-5.2-06	Báo cáo sơ kết, tổng kết về công tác hòa nhập	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021	Phó Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023		
	7	H5-5.2-07	Sổ kế hoạch giáo dục của học sinh hòa nhập.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.3	1	H5-5.3-01	Kế hoạch nhóm giáo dục địa phương	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	2	H5-5.3-02	Kế hoạch Kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương của các bộ môn.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	3	H5-5.3-03	Báo cáo bộ môn Giáo dục địa phương	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	4	H5-5.3-04	Kế hoạch tham quan ngoại khóa, hướng nghiệp nghề	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
	5	H5-5.3-05	Hình ảnh tham quan ngoại khóa	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.4	1	H5-5.4-01	Hồ sơ tổ chức các hoạt động trải nghiệm kết hợp hướng nghiệp nghề	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	2	H5-5.4-02	Hình ảnh tư liệu về hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	3	H5-5.4-03	Chuyên đề về kỹ năng sống	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	4	H5-5.4-04	Kế hoạch bài dạy hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
		H5-5.4-05	Danh sách giáo viên giảng dạy hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020	Phó Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
	5			Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023		
	6	H5-5.4-06	Báo cáo sơ kết tổng kết về hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.5	1	H5-5.5-01	Kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	2	H5-5.5-02	Kế hoạch hoạt động giáo dục, rèn kỹ năng sống cho học sinh	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	3	H5-5.5-03	Chuyên đề, sáng kiến về kỹ năng sống	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	4	H5-5.5-04	Hình ảnh tư liệu về hoạt động ngoài giờ lên lớp, kỹ năng sống	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022	Phó Hiệu trưởng	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
				Năm học 2022 - 2023		
	5	H5-5.5-05	Kế hoạch dạy STEM	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	6	H5-5.5-06	Báo cáo sơ kết câu lạc bộ STEM	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	7	H5-5.5-07	Hình ảnh, tư liệu các chuyên đề STEM	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.6	1	H5-5.6-01	Danh sách học sinh được công nhận Tốt nghiệp THCS	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
	2	H5-5.6-02	Báo cáo kết quả sau thi lại	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	
		H5-5.6-03	Thống kê tỷ lệ học sinh trong tốt	Năm học 2018 - 2019	Phó Hiệu	

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
	3		nghiệp Trung học cơ sở trong 5 năm	Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	trưởng	
	4	H5-5.6-04	Danh sách rà soát học sinh trúng tuyển vào lớp 10 công lập	Năm học 2018 - 2019 Năm học 2019 - 2020 Năm học 2020 - 2021 Năm học 2021 – 2022 Năm học 2022 - 2023	Phó Hiệu trưởng	